

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử chứng tỏ, chiến lược của các nước lớn có tầm toàn cầu ảnh hưởng và tác động rất lớn, thậm chí trong một số trường hợp có tính quyết định tới cục diện chính trị - quân sự quốc tế trên phạm vi toàn cầu và ở nhiều khu vực, trong đó có khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

Mỹ, Nga và Trung Quốc là ba cường quốc hạt nhân lớn nhất thế giới, là thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc đang nỗ lực vươn lên để tranh giành vai trò lãnh đạo toàn cầu và khu vực trong các vấn đề an ninh và phát triển. Định hướng phát triển toàn cầu và khu vực, trong đó có định hướng phát triển ở khu vực CA - TBD và ĐNA phụ thuộc vào sự trùng hợp hay mâu thuẫn quan điểm của ba cường quốc này.

Trong quan hệ giữa các nước lớn Mỹ, Nga và Trung Quốc hiện nay có những diễn biến mới rất đáng chú ý, đặc biệt ở khu vực CA - TBD và ĐNA, trong bối cảnh Trung Quốc đang trở thành một cực quan trọng của thế giới, có nền kinh tế đang vươn lên vị trí số 1 thế giới. Vì thế, nghiên cứu quan hệ giữa các nước lớn Mỹ, Nga và Trung Quốc có ý nghĩa đặc biệt đối với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

*Nhằm giúp các đồng chí có điều kiện tìm hiểu thêm về chiến lược của các nước Nga, Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng, Thư viện Quân đội, trên cơ sở tổng thuật các nguồn tài liệu, giới thiệu một số thông tin xoay quanh vấn đề **“Chiến lược của các nước lớn Nga, Mỹ, Trung Quốc ở châu á - Thái Bình Dương và Đông Nam á”**.*

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí.

Mọi ý kiến xin gửi về:

Phòng Thông tin – Thư mục – Máy tính

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế – Hà Nội

ĐT: (069)554556

Fax: (04)8235130

Email: thuvienquandoi@gmail.com

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHÍNH TRỊ KHU VỰC

CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Trong những năm gần đây, Châu Á - Thái Bình Dương (CA - TBD) trở thành khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Tại đây đang diễn ra các quá trình phát triển kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội hết sức sôi động.

Tập trung ở khu vực CA - TBD có các nước lớn nhất và phát triển nhanh nhất thế giới về kinh tế và có vị trí địa - chính trị quan trọng, chiếm 40% tổng diện tích lãnh thổ và 41% dân số thế giới (gần 3,6 tỷ người), 61% GDP thế giới, 47% tổng thương mại quốc tế và 48% nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của thế giới. Ở CA - TBD tập trung 65% nguồn nguyên liệu toàn cầu và hội tụ nhiều tuyến đường giao thông biển quan trọng bậc nhất thế giới. Cũng tại khu vực này tập trung các nước có các chế độ kinh tế-xã hội và chính trị đa dạng, đa sắc tộc, đa tôn giáo (đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Hồi và đạo Hindu ...). Tại đây, tập trung các nước xã hội chủ nghĩa còn lại như Trung Quốc, Việt Nam và Lào; ba cường quốc hạt nhân hàng đầu thế giới là Nga, Mỹ, Trung Quốc và một quốc gia đã sở hữu vũ khí hạt nhân là CHDCND Triều Tiên.

CA - TBD cũng là khu vực chịu tác động đồng thời của hai quá trình toàn cầu hoá và khu vực hoá, với các tổ chức như Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và các diễn đàn như Diễn đàn kinh tế CA - TBD (APEC), Diễn đàn kinh tế Đông Á. Tại đây có các nước công nghiệp mới đang phát triển thành công, đạt chỉ số cao tăng trưởng kinh tế. Cũng ở CA - TBD hình thành ba trung tâm sức mạnh là Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Trong năm 2010, Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản, vươn lên vị trí nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ.

Tại CA - TBD đang diễn ra quá trình cạnh tranh và hợp tác đan xen, trong đó Mỹ và Trung Quốc đang tranh giành quyết liệt vai trò lãnh đạo khu vực và toàn cầu trong điều kiện tại đây còn thiếu một cơ chế đa phương thống nhất về an ninh tập thể; hệ thống an ninh chính trị - quân sự dựa chủ yếu trên các hiệp định và thoả thuận song phương như Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ, Hiệp ước về phòng thủ chung giữa Mỹ và Hàn Quốc, Thoả thuận giữa các nước tham gia khối ANZUC (Australia, New Zealand, Anh, Malaysia và Singapore). Do đó, các tổ chức khu vực thường có xu hướng kết hợp các mục đích kinh tế với lợi ích an ninh.

Ở CA - TBD hiện đang tồn tại các "điểm nóng" ở eo biển Đài Loan, Đông Bắc Á, Biển Đông, eo biển Malaca, trong đó tiềm ẩn nguy cơ xung đột do tranh chấp lãnh thổ; mâu thuẫn sắc tộc và mâu thuẫn tôn giáo; tình hình chính trị nội bộ bất ổn trong từng nước riêng lẻ; nạn khủng bố; cướp biển; buôn lậu vũ khí và ma tuý và di dân bất hợp pháp.

Trong bối cảnh đó, các nước khu vực CA-TBD đang hiện đại hoá quân đội và tăng cường sức mạnh quốc phòng. Tổng chi phí quân sự của các nước trong khu vực gần tương đương với chi phí quân sự của tất cả các nước thuộc Liên minh Châu Âu. Ở CA - TBD tập trung 8 quốc gia có lực lượng quân sự với số quân đông nhất thế giới, gồm Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Nga, Hàn Quốc, Pa-ki-stan và Việt Nam, chiếm 23% thị trường vũ khí thế giới.

Do tầm quan trọng của khu vực CA - TBD đối với thế giới, thời gian gần đây, một số nước lớn đã tiến hành điều chỉnh chiến lược của họ đối với khu vực này, trước hết phải kể đến Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ.

I. CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC LỚN ĐỐI VỚI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

1. Chiến lược của Mỹ đối với Châu Á - TBD

Sau Chiến tranh lạnh, Mỹ bắt đầu xem xét lại chiến lược toàn cầu của họ. Với mục đích đó, từ những năm 1990, Bộ Quốc phòng Mỹ đã chỉ đạo nghiên cứu để điều chỉnh chiến lược chính trị quân sự đối với ở khu vực CA - TBD. Kết luận chủ yếu của Lầu Năm Góc là cần tiếp tục đưa Mỹ can dự vào công việc của các nước ở khu vực này. Theo nhận xét trong bản báo cáo mang tên "*Định hướng chiến lược đối với khu vực CA - TBD*" trình bày trước Quốc hội Mỹ vào năm 1992, mặc dù có những thay đổi diễn ra trong quan hệ quốc tế nhưng cần khẳng định rằng lợi ích của Mỹ ở châu Á là không bao giờ thay đổi trong suốt hai thập kỷ qua. Đó là quyền tiếp cận kinh tế đối với khu vực này, quyền tự do đi lại trên biển, và không để xuất hiện ở châu Á một quốc gia hoặc liên minh các quốc gia chiếm ưu thế trong khu vực.

Bước sang đầu thế kỷ XXI, Lầu Năm Góc đã công bố nhiều văn kiện chính thức và bán chính thức chứng tỏ có sự thay đổi về cách tiếp cận đối với chiến lược quân sự của Mỹ tại khu vực CA -TBD đang có nhiều thay đổi, trong đó xu hướng chủ yếu là gia tăng “yếu tố Trung Quốc” trong chiến lược chính trị quân sự của Mỹ ở khu vực. Với Mỹ, Trung Quốc được đánh giá là “đối thủ tiềm tàng”. Do đó, chiến lược quân sự của Mỹ coi việc kiểm soát các nguồn tài nguyên năng lượng và các tuyến đường vận chuyển đóng vai trò then chốt trong việc kiềm chế Trung Quốc bởi sự gia tăng kinh tế mạnh mẽ của quốc gia này sẽ gia tăng đột biến nhu cầu về nguyên liệu, đặc biệt là dầu mỏ. Năm 2003, Trung Quốc trở thành nước tiêu thụ nhiều dầu mỏ thứ hai thế giới và nước nhập khẩu dầu mỏ thứ ba thế giới. Theo tính toán của Bộ năng lượng Mỹ, nhu cầu về dầu mỏ của Trung Quốc tăng từ 5,9 triệu thùng/ngày năm 2004 lên 12,8 triệu thùng/ngày vào năm 2025. Còn khối lượng nhập khẩu dầu mỏ của Trung Quốc sẽ tăng tương ứng từ 2,4 triệu thùng ngày lên 9,4 triệu thùng/ngày. Các chuyên gia Mỹ tính rằng 80% dầu mỏ nhập khẩu của Trung Quốc đi qua eo biển Malaca nên việc khống chế huyết mạch vận tải đường biển này sẽ gây nên hậu quả mang tính thảm họa đối với nền kinh tế Trung Quốc cũng như đối với quân đội Trung Quốc. Các nhà chiến lược Mỹ coi chiến thuật này là biện pháp đơn giản nhất và hiệu quả nhất để vô hiệu hoá sức mạnh của Trung Quốc.

Theo nhận xét của các chuyên gia quân sự Mỹ, giá trị của eo biển Malaca không chỉ hạn chế ở khả năng kiềm chế Trung Quốc và tạo ra khả năng kiểm soát toàn bộ khu vực. Theo một phiên bản chiến lược quân sự của Mỹ ở khu vực CA - TBD do Công ty RAND soạn thảo theo đơn đặt hàng của Lầu Năm Góc, gần một nửa khối lượng chuyên chở thương mại qua đường biển đi qua các tuyến đường biển ở biển Nam Hải bao quanh Indonesia. Tuyến đường giao thông đường biển này là huyết mạch kinh tế quan trọng sống còn mà qua đó các nền kinh tế của các nước ở Đông Bắc Á nhận được dầu mỏ và nhiều tài nguyên quan trọng khác, đồng thời xuất khẩu sản phẩm công nghiệp ra thị trường thế giới. Các tuyến giao thông đường biển ở Đông Nam Á còn đóng vai trò đặc biệt quan trọng xét

từ quan điểm chính trị - quân sự bởi vì từ đây Mỹ có thể tung lực lượng quân sự từ phía Tây Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương.

Việc Mỹ kiềm chế quân sự đối với Trung Quốc không thể không đụng chạm tới các đồng minh và đối tác của Mỹ, trước hết là Nhật Bản. Cơ sở lý luận để Mỹ thiết lập quan hệ mới với Nhật Bản là “*Báo cáo về quan hệ Mỹ - Nhật*” được soạn thảo vào tháng 10/2000 dưới sự bảo trợ của Đại học Quốc phòng Mỹ. Do tác giả của bản báo cáo này đều là các nhân vật then chốt trong Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao Mỹ, nên trên thực tế, văn kiện này là cương lĩnh hành động của chính quyền Mỹ dưới thời Tổng thống G.W.Bush về sự phát triển quan hệ với Nhật Bản. Tư tưởng chủ đạo của bản báo cáo là coi Nhật Bản có vị thế đặc biệt quan trọng trong chiến lược an ninh của Mỹ ở khu vực này. Các tác giả của bản báo cáo nhận xét rằng họ coi mối quan hệ đặc biệt giữa Mỹ và Anh là hình mẫu cho liên minh giữa Mỹ và Nhật Bản.

Để thực hiện chiến lược đó, Mỹ khẳng định các cam kết quân sự với Nhật Bản và thực hiện các nguyên tắc chỉ đạo quan hệ hợp tác giữa Mỹ và Nhật Bản trong lĩnh vực quốc phòng được thông qua năm 1997. Sự hợp tác quân sự giữa Mỹ và Nhật Bản đang triển khai theo hướng hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các quân binh chủng của hai nước, xây dựng các lực lượng vũ trang đa chức năng, linh hoạt và cơ động; đưa Nhật Bản tích cực tham gia vào các hoạt động gìn giữ hoà bình và nhân đạo; Mỹ chuyển giao cho Nhật Bản các công nghệ quân sự hiện đại, mở rộng sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa. Liên minh quân sự giữa Mỹ và Nhật Bản không thể có được nếu thiếu căn cứ quân sự trên đảo Okinawa bởi đảo này có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Từ đây, chỉ cần một giờ bay là Mỹ có thể tiếp cận tới những điểm nóng xung đột ở khu vực như Triều Tiên, Đài Loan, biển Nam Hải. Sự kiện 11/9/2001 đã đưa quan hệ quân sự giữa hai nước bước sang một giai đoạn mới. Chính phủ Nhật Bản lên án hành động khủng bố nhằm vào Mỹ và áp dụng các biện pháp chưa có tiền lệ để bảo vệ các căn cứ quân sự của Mỹ ở Nhật Bản. Tokyo cũng tích cực hỗ trợ hậu cần cho các chiến dịch quân sự của Mỹ ở Afghanistan, tiếp dầu và tiếp nước ngọt cho các lực lượng liên minh chống khủng bố ở Ấn Độ Dương. Chính phủ Nhật Bản còn hỗ trợ tích cực Mỹ trong cuộc chiến ở Iraq, đồng ý chi 5 tỉ USD để tái thiết Iraq và điều 1.000 quân tới Vùng Vịnh, trong đó có 600 quân tới Iraq.

Sự hợp tác giữa Mỹ và Nhật Bản có hiệu quả lớn trong lĩnh vực xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa bắt đầu từ tháng 8/1999 khi hai nước đồng ý phối hợp xây dựng hệ thống đánh chặn tên lửa ở khu vực CA - TBD. Việc Mỹ lựa chọn Nhật Bản làm đối tác xây dựng lá chắn tên lửa trước hết là do vị thế địa lý của Nhật Bản trong hệ thống phòng thủ tên lửa châu Á không chỉ để bảo vệ các lực lượng của Mỹ tại khu vực này mà còn bảo vệ các đồng minh của Mỹ.

Năm 2004, chính phủ Nhật Bản công bố nội dung Học thuyết quân sự mới, trong đó lần đầu tiên xác định Trung Quốc là đối thủ tiềm tàng. Tháng 2/2005 tại cuộc gặp Bộ trưởng Ngoại giao của Mỹ và Nhật Bản đã thông qua Tuyên bố chung, trong đó lần đầu tiên hai nước tuyên bố coi việc bảo đảm an ninh tại khu vực eo biển Đài Loan là nhiệm vụ chiến lược chung, có nghĩa là Nhật Bản từ bỏ chính sách một Trung Quốc và chuyển sang quan điểm của Mỹ vẫn công nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc nhưng có trách nhiệm bảo vệ Đài Loan chống lại Trung Quốc. Tháng 4/2005, Nhật Bản đồng ý chuyển Văn phòng của Quân đoàn lục quân số 1 của Mỹ từ Washington sang căn cứ quân sự ở bên cạnh đảo Yokuhama. Quân đoàn này có trách nhiệm đảm bảo an ninh ở Thái Bình

Dương và Ấn Độ Dương cho đến Vùng Vịnh. Căn cứ quân sự mới sẽ là trung tâm chỉ huy liên hợp cho lục quân, hải quân, không quân và quân thủy đánh bộ của Mỹ ở khu vực này. Nhật Bản muốn nâng cấp quan hệ quân sự với Mỹ từ đối tác “đàn em” với “đàn anh” sang mức độ đối tác bình đẳng. Ngoài quan hệ với Nhật Bản, Mỹ còn duy trì quan hệ đối tác chiến lược quân sự then chốt với Hàn Quốc. Theo thoả thuận đạt được giữa Mỹ và Hàn Quốc, đến cuối năm 2008, sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Hàn Quốc sẽ giảm 12.500 quân, từ 37.500 xuống còn 25.000.

Trong những năm gần đây, trong chiến lược quân sự của Mỹ ở khu vực còn chú trọng đến Ấn Độ mà từ trước Mỹ coi là một đối tác chiến lược. Trong chiến lược an ninh quốc gia năm 2002 của Mỹ coi Ấn Độ có một vai trò mới và xem xét lại căn bản mối quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ nhằm đáp ứng những lợi ích quốc gia của Mỹ trong khu vực. Từ đó Mỹ phát triển hợp tác quân sự mạnh mẽ với Ấn Độ. Trong thời gian gần đây, giữa hai nước có các cuộc diễn tập phối hợp với lực lượng đặc nhiệm của Mỹ và Ấn Độ của miền Đông Bắc Ấn Độ, các cuộc diễn tập không quân ở khu vực Alask, các cuộc diễn tập hải quân ở bờ biển phía Đông Ấn Độ. Mỹ còn cung cấp cho Ấn Độ các loại radar thế hệ mới Firefinder và tiến hành các cuộc đàm phán cấp cao về hệ thống phòng thủ tên lửa. Mỹ đã thảo luận khả năng bán cho Ấn Độ máy bay tuần tra hải quân P-3 Orion. Theo bản báo cáo mang tên *"Quan hệ quân sự giữa Mỹ và Ấn Độ: Triển vọng và đánh giá"* trong năm 2003, giới quân sự Mỹ tuyên bố sẽ tiếp cận căn cứ quân sự của Ấn Độ cũng như hạ tầng cơ sở của nước này. Ấn Độ có giá trị chiến lược nằm ở trung tâm châu Á cùng với các tuyến vận chuyển hàng hải từ Trung Đông tới Đông Á. Mỹ hy vọng sẽ thiết lập quan hệ đồng minh với Ấn Độ để giải quyết nhiều vấn đề ở khu vực châu Á. Trong bản báo cáo này khẳng định, Trung Quốc là nguy cơ chủ yếu đối với an ninh của hai nước Mỹ và Ấn Độ, cũng là đối thủ cạnh tranh với Ấn Độ về kinh tế và quân sự. Từ năm 2005, hợp tác quân sự giữa Mỹ và Ấn Độ được phát triển lên một tầm cao mới. Tháng 6/2005, Bộ trưởng quốc phòng hai nước ký hiệp định về hợp tác quân sự thời hạn 10 năm. Theo đó, hai bên sẽ cùng phối hợp nghiên cứu chế tạo và sản xuất vũ khí, Mỹ sẽ giúp Ấn Độ huấn luyện chiến thuật bay cho các phi công trên tàu sân bay, hai nước sẽ phối hợp trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa.

Trong chuyến thăm Mỹ tháng 7/2005 của thủ tướng Ấn Độ, hai bên đã ký hiệp định song phương về hợp tác trong lĩnh vực hạt nhân, theo đó Mỹ loại bỏ mọi hạn chế trong việc cung cấp công nghệ và cấu kiện cho Ấn Độ để phát triển các chương trình hạt nhân hoà bình. Mặc dù cho đến nay Ấn Độ vẫn chưa ký Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân NPT. Để hiểu được ý nghĩa của nỗ lực này của Mỹ cần phải tính đến trong nhiều năm vừa qua Mỹ coi hiệp ước NPT là vật cản trong quan hệ giữa hai nước. Ngoài ra, hiệp định này cũng có nghĩa là sự phản bội của Mỹ đối với đồng minh trong cuộc chiến chống khủng bố ở Nam Á là Pakistan. Mỹ cũng không dấu giếm về thoả thuận sẵn sàng bán máy bay chiến đấu như F-16 và F-18 cho Ấn Độ là nhằm chống Trung Quốc. Hiện nay Mỹ coi trọng sức mạnh quân sự của Ấn Độ trong bối cảnh xung đột quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ.

Thời gian gần đây, Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược tới khu vực CA - TBD, coi khu vực này có ý nghĩa sống còn. Do đó, nội dung điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với CA - TBD xoay quanh bốn vấn đề cơ bản. Đó là, củng cố và tăng cường các liên minh truyền thống của Mỹ với các nước trong khu vực; phát triển các quan hệ đối tác chiến lược mới, trước hết là các cường quốc hàng đầu ở CA - TBD; xây dựng các cơ chế bền vững cho sự hợp tác khu vực; xúc tiến và ủng hộ “dân chủ”, “nhân quyền”.

Theo hướng củng cố các liên minh truyền thống, Mỹ tăng cường quan hệ liên minh truyền thống với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Philippine, Thái Lan... Trong đó, liên minh Mỹ - Nhật đóng vai trò quan trọng nhất, là hòn đá tảng cho chiến lược an ninh và các mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ ở khu vực này. Do đó, thời gian gần đây, Mỹ tăng cường sự hiện diện quân sự ở CA - TBD, trước hết là ở Đông Bắc Á, coi lực lượng này là nhân tố chủ yếu đối với an ninh khu vực, trong đó Mỹ giữ vai trò lãnh đạo.

Trong quan hệ với các lớn trong khu vực, Mỹ đặc biệt chú trọng quan hệ với Nga và Trung Quốc. Với Nga, Mỹ tăng cường đối thoại và hợp tác quân sự dựa trên những kết quả đã đạt được về cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược theo Hiệp ước START-3, hợp tác với Nga trong các lĩnh vực chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa và chinh phục vũ trụ; hoan nghênh các nỗ lực của Nga trong việc bảo đảm an ninh ở Châu Á. Với Trung Quốc, Mỹ sẽ xúc tiến hợp tác toàn diện và tích cực với Trung Quốc; mở rộng các lĩnh vực hợp tác mà hai bên cùng có lợi; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và kịp thời ngăn chặn những cách nhìn nhận và đánh giá không đúng về nhau. Mỹ sẽ hợp tác với Trung Quốc để phát triển các lợi ích trong chống cướp biển, chống phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt, sử dụng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với CHDCND Triều Tiên để duy trì sự ổn định trên bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, Mỹ sẽ chú ý theo dõi sự phát triển của Quân đội Trung Quốc nhằm không để xảy ra tình trạng mất cân bằng trong cán cân lực lượng giữa Trung Quốc và Đài Loan. Mỹ đặc biệt lo ngại về quy mô và mục tiêu chiến lược của chương trình hiện đại hoá Quân đội Trung Quốc, cũng như hành động của Trung Quốc trong vũ trụ, trong không gian ảo, trên Biển Vàng và Biển Đông. Do đó, Mỹ sẽ sẵn sàng thể hiện ý chí và đầu tư nguồn lực để đối phó với hành động của Trung Quốc đe dọa lợi ích của Mỹ cũng như an ninh của các đồng minh của Mỹ ở CA - TBD.

Đối với khu vực Đông Á, các phương án tiếp cận của Mỹ trong quan hệ với Nga và Trung Quốc sẽ được xây dựng xung quanh vấn đề lãnh đạo thế giới. Có 3 phương án đang được nhà nghiên cứu dự đoán là: *hoặc là* Mỹ tiếp tục chính sách đóng vai trò lãnh đạo duy nhất ở Đông Á dựa trên liên minh chính trị quân sự với Nhật Bản và với Hàn Quốc. Điều này làm cho Trung Quốc và Nga thận trọng bởi vì họ không cân bằng lực lượng về an ninh; *hoặc là* Mỹ mở rộng hệ thống an ninh hiện nay trên cơ sở liên minh quân sự với Nhật Bản và Hàn Quốc bằng cách thu hút Trung Quốc vào tiến trình đối thoại quân sự và an ninh, không có sự tham gia của Nga. Trong trường hợp này, đối thoại an ninh với Nga sẽ được tiếp tục về những vấn đề toàn cầu như không phổ biến vũ khí hạt nhân, chủ nghĩa khủng bố v.v... chứ không phải là bàn về Đông Á. Trong phương án này, quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc có thể được tăng cường trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, vũ trụ, dỡ bỏ lệnh cấm vận xuất khẩu vũ khí trang bị sang Trung Quốc. Trong khi đó Nga đứng trước nguy cơ đứng ở bên ngoài các sự kiện an ninh và hợp tác trong khu vực. *Và cuối cùng là:* Sự lãnh đạo tập thể của Mỹ, Trung Quốc và Nga ở Đông Á dựa trên cơ sở cùng phát triển Đông Á về năng lượng và kinh tế và liên kết các liên minh quân sự của Mỹ với Nhật Bản và Hàn Quốc và cuộc đối thoại an ninh 3 bên giữa Mỹ với Trung Quốc và Nga.

2. Chiến lược của Nga đối với CA - TBD

Nga cho rằng tiềm năng hợp tác với các nước trong khu vực CA - TBD là rất lớn, có thể phát huy tác dụng quan trọng cả về phương diện an ninh và phát triển kinh tế. Những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nga nhằm tăng cường hợp tác với các nước ở CA - TBD để cân bằng lực lượng với Phương Tây. Về kinh tế, Nga tích cực tham

gia hợp tác và hội nhập với các nền kinh tế ở CA - TBD, nâng cao ảnh hưởng nước lớn của họ đối với khu vực này. Nga chủ trương mở cửa miền Viễn Đông để thu hút đầu tư nước ngoài; áp dụng nhiều chính sách ưu đãi, đưa ra các hạng mục hợp tác, thành lập các khu vực kinh tế tự do ở các miền ven biển Viễn Đông. Nhiều nước, trong đó quan trọng là Nhật Bản, Hàn Quốc đã bước đầu tích cực hợp tác với Nga phát triển kinh tế vùng này. Nga hiện đang tăng cường mở rộng thị trường vũ khí ở khu vực, coi đây là nguồn cung cấp ngoại hối quan trọng và để cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực.

Nga chú trọng cải thiện và phát triển quan hệ song phương và đa phương với các nước CA - TBD, coi trọng xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, Việt Nam và Ấn Độ, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế, thương mại, kỹ thuật quân sự trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi. Nga chủ trương thúc đẩy thành lập cơ chế hiệp thương an ninh Đông Bắc Á, gồm CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, lấy cơ chế này thiết lập không gian an ninh tập thể cho khu vực CA - TBD. Mặt khác, Nga tiếp tục duy trì và đề cao vai trò lực lượng quân sự của họ ở khu vực, tập trung hiện đại hoá quân đội, trong đó chú trọng ưu tiên lực lượng quân sự đóng ở vùng Viễn Đông, trước hết là trên quần đảo Cu-rin, nơi đang diễn ra tranh chấp với Nhật Bản.

Đối với Đông Á, chính sách của Nga chịu tác động của nhiều yếu tố.

Yếu tố thứ nhất là triết lý chung trong chính sách đối ngoại của Nga được phản ánh một phần trong 5 nguyên tắc đã được Tổng thống Nga Dmitry Medvedev tuyên bố vào tháng 9-2008, bao gồm các nội dung: *Một là*, thế giới được nhìn nhận thông qua lăng kính vừa hợp tác vừa cạnh tranh, theo đó tất cả các nước đều vừa là đối tác, vừa là đối tượng cạnh tranh của Nga. Chính sách của Nga phải nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của quốc gia. Tiềm năng chủ yếu để củng cố khả năng cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu là không gian hậu Xô Viết, trong đó có các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). *Hai là*, Nga có quyền bình đẳng với Mỹ và Phương Tây trong các vấn đề xây dựng cấu trúc an ninh và phát triển mới trên thế giới. Tuy nhiên, Phương Tây không được can thiệp vào công việc nội bộ của Nga, trong đó có vấn đề dân chủ. Sau cuộc “Chiến tranh 5 ngày” giữa Nga và Grudia đầu tháng 8-2008, chính sách đối ngoại của Nga nhấn mạnh rằng Phương Tây cần phải tính đến ý kiến của Nga trong các công việc quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực lợi ích địa - chính trị của Nga. *Ba là*, Nga cần phải bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp của Nga, trước hết trong lĩnh vực năng lượng. Các công ty xuyên quốc gia về dầu mỏ và khí đốt của Nga đang theo đuổi tham vọng thâm nhập thị trường mới ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Đông Nam Á; tạo ra những tuyến đường vận chuyển dầu mỏ và khí đốt mới bao gồm các đường ống dẫn dầu và khí đốt sang Châu Âu, Trung Quốc và Hàn Quốc; tiếp cận các mỏ mới ở Trung Á, Châu Phi, Mỹ Latinh và Đông Nam Á; hạn chế quyền tiếp cận của đầu tư nước ngoài vào khu vực tài nguyên dầu mỏ và khí đốt có ý nghĩa chiến lược của Nga.

Yếu tố thứ hai là những di lý cơ bản từ thời “chiến tranh lạnh” với 5 nội dung: *Một là*, liên minh quân sự giữa Mỹ và Nhật Bản, giữa Mỹ và Hàn Quốc, trong khi không có liên minh tương tự giữa Nga và Trung Quốc. Trong khi đó, trong thời kỳ “chiến tranh lạnh”, Nga có quan hệ liên minh tương tự với Mông Cổ, Triều Tiên và Việt Nam. *Hai là*, vấn đề lịch sử trong quan hệ giữa Trung Quốc với Hàn Quốc, giữa Trung Quốc với Nhật Bản, cũng như các vấn đề tranh chấp lãnh thổ chưa được giải quyết giữa Nga và Nhật Bản, giữa Trung Quốc và Nhật Bản, giữa Trung Quốc với một số nước ở Đông Nam Á v.v. *Ba*

là, tình hình trên bán đảo Triều Tiên chưa được giải quyết tạo ra tình hình căng thẳng thường xuyên trong khu vực. *Bốn là*, quan hệ giữa Trung Quốc và Đài Loan. Về mặt lý thuyết Nga có thể bị cuốn hút vào cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Đài Loan. *Năm là*, quan hệ giữa Nga và Trung Quốc mặc dù đã nâng lên thành quan hệ đối tác chiến lược nhưng giới tinh hoa chính trị và dân chúng Nga vẫn coi Trung Quốc là mối đe dọa. Nếu như trước đây người Nga sợ “Trung Quốc sẽ đến và chiếm đoạt lãnh thổ” thì hiện nay họ sợ “Trung Quốc sẽ đến và mua hết tất cả”.

Yếu tố thứ ba là sự phát triển năng động trong khu vực CA - TBD thể hiện trên một số nội dung. *Một là*, Nga phải thể hiện tính tích cực và đưa ra những ý tưởng mới về sự hợp tác trong khu vực Đông Á, trước hết là những nội dung sẽ được đưa ra thảo luận tại Diễn đàn hợp tác kinh tế CA - TBD sẽ diễn ra ở Vladivostok của Nga vào năm 2012. *Hai là*, sự phát triển các quá trình liên kết theo những công thức khác nhau như hợp tác Đông Bắc Á, bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc; hợp tác ASEAN+3 (với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc); khuôn khổ hợp tác ASEAN+1 (lần lượt với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v). *Ba là*, sự hội nhập tích cực vào Đông Á của các thành viên mới như Trung Quốc. Trên cơ sở phát triển kinh tế, Trung Quốc đã tăng cường ảnh hưởng chính trị của họ ở Đông Bắc Á nói riêng và trên thế giới nói chung. Cũng như Nga, Trung Quốc có tiếng nói của họ trong việc xây dựng cấu trúc an ninh và phát triển mới trên phạm vi toàn cầu và ở khu vực CA - TBD và họ muốn bình đẳng với Phương Tây. Trong khuôn khổ chủ trương này, Trung Quốc muốn xúc tiến và bành trướng hàng hoá của họ ra thị trường thế giới; bảo vệ và tích cực ủng hộ các tập đoàn xuyên quốc gia của Trung Quốc; đóng vai trò then chốt trong các diễn đàn hợp tác khu vực. *Bốn là*, sự năng động trong diễn đàn đàm phán đa phương trong khu vực. Đối với Nga, trước hết là cuộc đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân của Triều Tiên. Liên bang Nga là Chủ tịch Nhóm công tác năm nước trong cuộc đàm phán sáu bên về an ninh ở Đông Bắc Á buộc Nga phải năng động hơn về mặt ngoại giao. Hiện nay sự năng động này vẫn còn ở mức thấp.

Yếu tố thứ tư liên quan đến chiến lược mới phát triển kinh tế khu vực Viễn Đông của Nga. Viễn Đông là một vùng lãnh thổ rộng lớn với hạ tầng cơ sở kinh tế xã hội chưa phát triển đòi hỏi vốn đầu tư lớn, nhưng dân số thưa thớt và do đó nhu cầu tiêu dùng thấp. Điều này có nghĩa là, để bảo đảm hiệu quả kinh tế cho các chương trình nói trên Nga cần phải phát triển nhu cầu tiêu dùng thông qua sự hợp tác với các nền kinh tế lớn giáp với biên giới Nga như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Như vậy, không có sự liên kết và hội nhập vào nền kinh tế Đông Á thì nền kinh tế của khu vực Viễn Đông của Nga không thể phát triển có hiệu quả. Yếu tố này thúc đẩy Nga tích cực hơn nữa trong sự hợp tác kinh tế với khu vực Đông Á.

Theo phân tích của các chuyên gia, có 4 nguy cơ gián tiếp đối với Nga ở Viễn Đông. *Một là*, chương trình hạt nhân của Triều Tiên. Thời điểm hiện nay vẫn duy trì hiện trạng hạt nhân của Triều Tiên, chưa có gì thay đổi. Bình Nhưỡng vẫn tiếp tục phát triển chương trình hạt nhân dựa vào sức mạnh kinh tế, năng lượng và tài chính; tranh thủ thời cơ chính trị để duy trì chế độ cầm quyền của Kim Châng In. *Hai là*, xung đột quân sự có thể xảy ra giữa Trung Quốc và Đài Loan. Những thay đổi gần đây trong quan hệ giữa Trung Quốc và Đài Loan đang đi theo hướng tình hình giữa eo biển 2 bờ sẽ trở lên ổn định hơn. Tuy nhiên, nếu trong xã hội Trung Quốc diễn ra những thay đổi quan điểm về vấn đề độc lập của Đài Loan thì quan hệ trên có thể sẽ diễn biến theo kịch bản khó lường. Trong khi đó, Nga ủng hộ Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan, không muốn bị lôi kéo vào xung

đột quân sự với giữa Bắc Kinh và Đài Bắc. *Ba là*, các cuộc xung đột khu vực có thể xảy ra liên quan đến việc tranh chấp lãnh thổ không có lợi cho Nga nhưng Nga sẽ không tham gia cho tới thời điểm khi những xung đột này trở thành mối đe dọa trực tiếp đối với Nga. *Bốn là*, sự bất ổn về kinh tế, tài chính và năng lượng ở Đông Á. Về mặt lý thuyết, Nga sẵn sàng hợp tác khu vực rộng rãi về những vấn đề này. Nhưng trên thực tế hành động của Nga vẫn còn ở mức thụ động. Vấn đề là ở chỗ Nga hiện nay vẫn còn hội nhập ở mức yếu vào Đông Á. Nếu Đông Á không đóng vai trò lớn trong sự phát triển kinh tế khu vực Viễn Đông của Nga thì những nguy cơ nói trên đối với Nga chưa phải là cấp bách. Nhưng một khi vai trò của Đông Á đối với Nga ngày càng tăng mà điều này có thể xảy ra trước khi khai mạc Diễn đàn kinh tế CA - TBD vào năm 2012 thì tình hình sẽ thay đổi. Có thể Nga sẽ phải sẵn sàng hợp tác liên kết trong khu vực ở mức độ cao hơn với các nước trong khu vực để giải quyết các vấn đề nội bộ của họ.

Xuất phát từ những điều trên đây, Nga xây dựng cách hiểu biết mới về mối đe dọa và những thách thức xuất phát từ Đông Á. Trong vô vàn các mối đe dọa trực tiếp, giới tinh hoa chính trị ở Nga thông thường đặt lên vị trí hàng đầu là nguy cơ mất quyền kiểm soát phần lãnh thổ Viễn Đông của Liên Bang Nga, nghĩa là sự bành trướng về dân số của Trung Quốc, sự bành trướng mới về chủ nghĩa tư bản Trung Quốc, thậm chí là nguy cơ vùng Viễn Đông sẽ tách ra khỏi nước Nga phục vụ cho Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản. Hiện nay, trong điều kiện phát triển kinh tế của Nga, nguy cơ này đã bị lu mờ. Nhưng tình hình kinh tế xã hội của Nga đang gặp khó khăn, đặc biệt là ở khu vực Viễn Đông, nguy cơ này có thể phục hồi trở lại.

3. Chiến lược của Trung Quốc đối với CA - TBD

Chiến lược toàn cầu của Trung Quốc là bảo vệ và phát triển lợi ích kinh tế, ảnh hưởng chính trị và văn hoá ra thế giới, tạo điều kiện thuận lợi để trở thành quốc gia có ảnh hưởng quyết định tới tiến trình phát triển thế giới trong thế kỷ XXI. Theo chiến lược đó, CA - TBD là hướng ưu tiên trong chiến lược của Trung Quốc, trong đó không loại trừ khả năng Trung Quốc sử dụng sức mạnh quân sự hoặc đe dọa sử dụng sức mạnh quân sự để giải quyết các vấn đề chính sách đối ngoại. Vì thế, Trung Quốc coi lực lượng vũ trang của họ là một trong những công cụ quan trọng nhất để bảo vệ lợi ích quốc gia và thực hiện chính sách đối ngoại. Trung Quốc coi vấn đề “quốc phòng” không chỉ là phòng thủ trong nước, mà còn bao hàm cả phạm vi ngoài đất nước, thể hiện rõ trong nội dung “*chiến lược phát triển xuống phía Nam*”, trong đó có nội dung phát triển ảnh hưởng xuống khu vực Đông Nam Á. Trước mắt, Trung Quốc cần tạo môi trường hoà bình và ổn định trong khu vực CA - TBD, trước hết là Đông Bắc Á và Đông Nam Á để tạo lập “không gian sinh tồn” và phát triển.

Trung Quốc ủng hộ việc thành lập cơ chế an ninh hợp tác khu vực CA - TBD. Trước đây, Trung Quốc chỉ nhấn mạnh đối thoại an ninh song phương vì sợ rằng, diễn đàn an ninh đa phương sẽ là diễn đàn chỉ trích, cô lập Trung Quốc, tại đó Mỹ và Nhật Bản sẽ lợi dụng để gây sức ép với Bắc Kinh về “dân chủ”, “nhân quyền”. Hiện nay, Trung Quốc nhận thấy đối thoại đa phương có thể là một diễn đàn để tăng cường sự hiểu biết về chiến lược quốc phòng của Trung Quốc, để giải toả mối ngờ vực của các nước khác đối với Trung Quốc, giúp Trung Quốc cải thiện và tăng cường mối quan hệ với các nước trong khu vực. Trung Quốc tích cực ủng hộ “*Diễn đàn khu vực ASEAN*”.

Trung Quốc cũng hiểu được tầm quan trọng của eo biển Malaca ở Đông Nam Á trong việc bảo đảm an ninh năng lượng và an ninh quân sự và họ giải quyết vấn đề Malaca theo hai hướng. Một là, Trung Quốc xây dựng các tuyến giao thông vận tải thay thế, trong đó với sự giúp đỡ kỹ thuật và tài chính của Trung Quốc, Pakistan xây dựng cảng nước sâu ở Gwadar. Sau khi xây dựng xong, Trung Quốc sẽ có một cảng đặc biệt để tiếp nhận các tàu chở dầu từ Trung Đông đi qua đường ô tô cao tốc trên vùng núi cao và sa mạc Caracum. Ngoài ra, Trung Quốc có nghiên cứu khả năng xây dựng kênh đào với chi phí 20 tỉ USD đi qua eo biển Kra ở Thái Lan.

Mặt khác, Trung Quốc sẽ tiếp tục thắt chặt mối quan hệ với các nước trong khu vực, đặc biệt chú ý lĩnh vực quân sự. Theo báo cáo của Lầu Năm Góc, Trung Quốc đang xây dựng cái gọi là “chuỗi ngọc trai” bao gồm các căn cứ quân sự ở các nước nằm trên tuyến vận tải dầu mỏ từ Trung Đông tới Trung Quốc. Theo chiến lược đó, Trung Quốc đang xây dựng căn cứ phục vụ hải quân ở Gwadar, lắp đặt các phương tiện trinh sát điện tử để quan sát eo biển Omus và biển Ả-rập. Trung Quốc còn có các trạm quan sát ở Myanmar, hiện đang xây dựng các căn cứ quân sự ở quốc gia này và lắp đặt các phương tiện trinh sát điện tử trên các đảo ở vịnh Bengan, bên cạnh eo biển Malaca. Năm 2003, Trung Quốc đã ký hiệp định về hợp tác quân sự với Campuchia để huấn luyện quân đội và cung cấp vũ khí trang bị.

Trung Quốc đặc biệt lo ngại về diễn biến tình hình trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ nên đã xúc tiến cải thiện quan hệ với Ấn Độ để không để liên minh giữa Mỹ với Ấn Độ theo hướng chống Trung Quốc. Tháng 4/2005, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo sang thăm Ấn Độ và tuyên bố thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc.

Các phương án chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong quan hệ với Nga và Mỹ được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc “vừa xa lạ vừa gần gũi”. Một đất nước Trung Quốc phát triển kinh tế thị trường là gần gũi với Mỹ và Phương Tây về mặt kinh tế. Nhưng một đất nước Trung Quốc cộng sản duy trì vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với hệ thống quyền lực chính trị lại trở thành xa lạ đối với các nền dân chủ trên thế giới.

Hiện Trung Quốc đang cố gắng vượt qua hiệu ứng "xa lạ về chính trị" bằng cách khẳng định rằng ở Trung Quốc đã diễn ra những thay đổi về quan niệm giá trị như công nhận sự cần thiết của các quá trình toàn cầu hóa; tính tất yếu nâng cao vai trò của các thể chế quản lý toàn cầu; ưu tiên hàng đầu nhằm đối phó với các nguy cơ an ninh ở trong nước đối với sự phát triển của Trung Quốc; sẵn sàng công nhận vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ nhưng kiên quyết hành động để ở Mỹ có những thay đổi những quan niệm và không coi Trung Quốc là mối đe dọa; sẵn sàng đối thoại với Mỹ về chủ đề vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ không chỉ dựa trên yếu tố sức mạnh mà còn cả yếu tố trí tuệ như tầm nhìn về sự phát triển tương lai của thế giới.

Trên bình diện thực tế, Trung Quốc tích cực thực hiện nền ngoại giao đa phương trong những khuôn khổ sau đây:

- Khuôn khổ ba bên Trung Quốc - Nhật Bản - Hàn Quốc xây dựng khu vực thương mại tự do và trong tương lai là không gian kinh tế chung ở Đông Á.

- Khuôn khổ ba bên Trung Quốc - Mỹ - Nhật Bản về các vấn đề hợp tác xuyên Thái Bình Dương trong các vấn đề an ninh và phát triển.

- Trong khuôn khổ các cuộc đàm phán 6 bên về chương trình hạt nhân của Triều Tiên.

- Khuôn khổ BRIC được các chuyên gia Trung Quốc công nhận là một công thức đang được ưa chuộng nhưng ít triển vọng bởi mục tiêu của Trung Quốc là cùng sáng tạo toàn cầu với các nước hàng đầu thế giới trong vấn đề xây dựng các thể chế mới để quản lý toàn cầu dựa trên cơ sở Liên Hợp Quốc mà ở đó Trung Quốc đóng vai trò bằng vai phải lứa với các thành viên thường trực khác của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc.

Trong bối cảnh chủ đề "tam giác chính trị" các chuyên gia Trung Quốc dự báo phản ứng tiêu cực của Nga trước sự gia tăng mạnh mẽ của Trung Quốc trong các công thức địa chính trị mới. Họ phát biểu ủng hộ việc cùng tiến hành các công thức 3 bên tương tự với sự tham gia của Nga như Trung Quốc - Nga - Mỹ và Trung Quốc - Nga - Nhật Bản và ủng hộ hoạt động của Nga như là Chủ tịch nhóm 5 bên về các vấn đề hợp tác ở Đông Á và cuộc đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của Triều Tiên.

Hiện các nhà nghiên cứu dự báo về hành động của Trung Quốc có khả năng theo một trong ba tình huống sau:

Một là: Trung Quốc sẽ tiếp tục xa lạ về chính trị đối với Phương Tây, tiếp tục chống lại vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ ở Đông Á. Để làm điều đó, Trung Quốc sẽ sử dụng con bài Nga, còn trong quan hệ đối với Nga sẽ kiềm chế nỗ lực của Nga gia tăng vai trò chính trị của họ ở Đông Á.

Hai là: từng bước vượt qua hiệu ứng “xa lạ về chính trị” của Trung Quốc đối với Phương Tây. Quá trình này sẽ diễn ra cùng với sự phát triển quan hệ hết sức phức tạp giữa Trung Quốc và Mỹ trong quá trình cùng phát triển ở phạm vi hạn chế và hợp tác trong lĩnh vực an ninh nhưng vẫn xảy ra căng thẳng trong quan hệ song phương về các vấn đề dân chủ, nhân quyền và Đài Loan.

Ngoài ra, quan hệ giữa Trung Quốc với Nga ở Đông Á sẽ tuân thủ sự năng động trong quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ: Trong thời điểm căng thẳng quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ, Bắc Kinh sẽ chơi con bài Nga để làm giảm áp lực của Washington, còn khi hợp tác giữa Mỹ và Trung Quốc phát triển, Nga có thể bị lợi dụng như là một đối tác hợp tác.

Ba là: yêu cầu sự đối tác rộng rãi giữa Trung Quốc và Mỹ trên cơ sở vượt qua hiệu ứng “xa lạ về chính trị”.

II. QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC LỚN Ở CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Trong khi soạn thảo các kịch bản hợp tác ba bên Nga, Mỹ và Trung Quốc, có một vấn đề được đặt ra là liệu có chỗ cho bên thứ ba hay không trong các mối quan hệ song phương của ba cường quốc này. Có 2 phương án đang được các nhà nghiên cứu dự báo:

Phương án 1. Mối quan hệ giữa một trong ba cặp quan hệ song phương được đặc trưng bởi cùng một sự lựa chọn tương tự. Đó là quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Từ đây suy ra mỗi một cặp quan hệ đều có lĩnh vực và hướng hợp tác riêng nhưng cũng có những khó khăn riêng. Vai trò của bên thứ 3 hoặc là bị một trong các bên lợi dụng để phục vụ cho lợi ích của họ chống lại bên kia; hoặc là trở thành yếu tố thúc đẩy hợp tác của từng

cặp theo các lĩnh vực và hướng hợp tác hiện có; hoặc là thúc đẩy giải quyết các khó khăn hiện có trong cặp quan hệ song phương. Phương án 1 chiếm ưu thế hiện nay.

Phương án 2. Khả năng của bên thứ ba tác động để tăng cường hợp tác trong từng cặp quan hệ song phương là rất khó xảy ra. Trong lĩnh vực an ninh tình hình có thể diễn ra như sau. Trong các vấn đề an ninh toàn cầu như phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt, chủ nghĩa khủng bố, an ninh sinh thái và các nguy cơ mới và những vấn đề có tính nguyên tắc của ba nước lớn nhất thế giới chỉ phù hợp về vẻ bên ngoài. Tuy nhiên trên thực tế Mỹ và Nga mới là các thành viên tham gia chủ yếu trong quá trình đối thoại về các vấn đề phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt. Hai nước này coi tiềm lực hạt nhân của Trung Quốc chưa đủ để họ có thể trở thành một bên đầy đủ trong cuộc đối thoại giữa Nga và Mỹ về vấn đề hạn chế vũ khí tiến công chiến lược và về vấn đề phòng thủ tên lửa. Trung Quốc xuất phát từ chỗ tiềm lực hạt nhân của họ chỉ có thể được đưa vào chương trình nghị sự trong các cuộc đàm phán sau khi tiềm lực hạt nhân của Mỹ và Trung Quốc ngang bằng với tiềm lực của họ. Nga không dấu diếm mối lo ngại của họ về vấn đề này. Trong vấn đề không phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt, Nga rất thận trọng đối với sáng kiến chống phổ biến vũ khí sát thương hàng loạt, còn Trung Quốc trong khi lo ngại mối quan hệ của họ với các nước có vấn đề cũng chỉ mới xem xét sáng kiến này.

Trong vấn đề chống khủng bố, các bên vẫn đưa ra được danh sách thống nhất các tổ chức khủng bố, mặc dù các bên đã đạt được kết quả nhất định trong việc hợp tác song phương chống khủng bố cho nên vấn đề vẫn tiến triển chậm.

Trong vấn đề an ninh sinh thái, Nga sau khi bày tỏ sự hạn chế của họ về khối lượng khí CO₂, đang có quan điểm rất có lợi rằng không hy sinh các lợi ích công nghiệp, sẵn sàng bán giấy phép cho các đối tác là Mỹ và Trung Quốc mặc dù vẫn tích cực xúc tiến đối thoại sinh thái nhưng đổ lỗi cho nhau không muốn đơn phương cắt giảm khí thải độc hại.

Trong vấn đề xây dựng cơ cấu an ninh quốc tế mới, quan điểm của các bên vẫn không hoàn toàn phối hợp. Mỹ không thể đưa hành động đơn phương của họ vào công thức đa phương của Liên Hợp Quốc. Còn Nga ủng hộ cải cách Liên Hợp Quốc mà trung tâm là mở rộng danh sách thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc. Trung Quốc thì chống lại điều đó bởi vì sợ kết nạp Nhật Bản vào Hội đồng này mà đưa ra quan điểm xây dựng thế giới hài hòa nhưng lại không cụ thể và không phù hợp với các đối tác.

Trong các vấn đề khu vực Đông Á, quan điểm tích cực của Nga, Trung Quốc và Mỹ phù hợp với nhau. Trên bán đảo Triều Tiên, ba nước hàng đầu thế giới tham gia vào tiến trình đàm phán 6 bên về Triều Tiên, nhưng trên thực tế sự hợp tác ba bên không mang lại kết quả. Mỹ và Trung Quốc tiến hành các cuộc đàm phán riêng với Triều Tiên. Nga vẫn chỉ đóng vai trò quan sát viên về những gì đang diễn ra. Ba nước không có kế hoạch phối hợp trong trường hợp chế độ cầm quyền ở Bắc Triều Tiên sụp đổ.

Ở Đông Á cả ba nước hàng đầu thế giới đều tham gia diễn đàn kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, tham gia vào hoạt động Diễn đàn khu vực ASEAN, Diễn đàn Đông Á. Tuy nhiên, vai trò và mối quan tâm của họ đối với những lĩnh vực hợp tác này không giống nhau và không ngang nhau. Vai trò của Nga chưa nổi bật tại Diễn đàn kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, còn Mỹ muốn sử dụng Diễn đàn này để thảo luận các vấn đề chính trị và các vấn đề an ninh. Trung Quốc theo đuổi tham vọng đóng vai trò dẫn đầu kinh tế và mâu thuẫn với Mỹ và Nhật Bản.

Trong lĩnh vực quân sự và an ninh, quan hệ song phương của ba nước này phát triển độc lập với nhau, tạo ra mối nghi kị lẫn nhau hơn là tạo cơ sở cho sự hợp tác ba bên.

Trong lĩnh vực kinh tế, khả năng của bên thứ ba tham gia quan hệ song phương lại càng ít hơn. Khối lượng hợp tác kinh tế thương mại, đầu tư và tài chính giữa Mỹ và Trung Quốc cao hơn rất nhiều so với chỉ số tương tự trong quan hệ giữa Nga và Mỹ, giữa Nga và Trung Quốc. Trung Quốc và Mỹ đóng vai trò không thể so sánh với Nga trong sự phát triển hợp tác kinh tế ở Đông Á. Trung Quốc chủ trương xây dựng các vùng liên kết khu vực Châu Á mà trong đó không có vị trí của Mỹ và của Nga.

Phương án 3. Bên thứ ba có thể không đóng vai trò gì trong việc giải quyết các vấn đề hiện có trong quan hệ song phương của ba nước. Nga sẽ không muốn bị cuốn hút vào các vấn đề khó khăn trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, thí dụ Mỹ và Trung Quốc không có sự tin cậy chính trị lẫn nhau, yếu tố Trung Quốc “xa lạ về chính trị” với Mỹ.

Quan điểm của Nga chống lại việc Mỹ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển chính trị nội bộ của Nga, bề ngoài có vẻ phù hợp với quan điểm của Trung Quốc. Tuy nhiên, Nga coi mình vẫn là một nhà nước dân chủ, trong khi đó Trung Quốc coi họ là nhà nước cộng sản.

Trung Quốc không thể tham gia vào cuộc xung đột giữa Mỹ và Nga do lạc hậu về kỹ thuật quân sự và cũng không muốn bị dính líu nên không thể góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa Nga và Mỹ trong vấn đề NATO, hạn chế vũ khí tấn công chiến lược, Grudia v.v.

III. CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á

Trước đây cũng như hiện nay, Đông Nam Á (ĐNA) luôn có sự “dính líu” của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên Xô (nay là Nga), trước hết là Mỹ và Trung Quốc. Với hai nước này, ĐNA là một phần quan trọng trong chiến lược toàn cầu của họ. Với vị trí địa lý thuận lợi và là cửa ngõ giao thông huyết mạch cho sự phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng của nhiều quốc gia, sự cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ ở khu vực này càng gay gắt.

ĐNA là một khu vực quan trọng của châu Á, bao gồm các nước nằm ở phía Nam Trung Quốc, phía Đông Ấn Độ và phía Bắc Australia, rộng 4.494.047 km² và bao gồm 11 quốc gia là Brunei, Campuchia, Đông Timor, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanma, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Dân số các nước trong khu vực vào khoảng 600 triệu người.

Các quốc gia khu vực ĐNA được chia ra làm hai nhóm chính. Nhóm 1 gồm Myanma, Thái Lan, Campuchia, Lào và Việt Nam nằm ở ĐNA lục địa, còn gọi bán đảo Trung Ấn. Nhóm 2 gồm các nước còn lại tạo nên quần đảo Malaysia được hình thành từ nhiều cung đảo thuộc vành đai núi lửa Thái Bình Dương và là một trong những khu vực có hoạt động núi lửa mạnh nhất thế giới. Trong 11 nước ĐNA, có 10 quốc gia có hải giới (trừ Lào). Philippines và Singapore là 2 nước trong khu vực này không có địa giới chung với bất kỳ quốc gia nào.

Từ thế kỷ XVI, khu vực ĐNA đã từng nổi lên như một trong những trung tâm văn minh, một khu vực địa lí - lịch sử - văn hóa trước khi trở thành một khu vực địa lí - chính

trị. Dù có chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, văn hóa Ấn Độ, nền văn hóa ĐNA vẫn mang tính riêng biệt độc đáo. Tuy nhiên, tên gọi "Đông Nam Á" được các nhà nghiên cứu chính trị và quân sự của Hà Lan, Anh, Mỹ đưa ra trong những năm đầu Chiến tranh thế giới lần thứ II, nhưng chính thức đi vào lịch sử với ý nghĩa là một khu vực địa - chính trị và quân sự được bắt đầu từ khi Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt và Thủ tướng Anh Winston Churchill quyết định thành lập Bộ chỉ huy tối cao quân Đồng Minh ở ĐNA tại Hội nghị Quebec lần thứ nhất vào tháng 8/1943. Trước đó, để chỉ khu vực này, người ta dùng nhiều tên gọi khác nhau với những mục đích khác nhau. Do đó, có sự khác nhau về cách viết từ ĐNA bằng tiếng Anh. Một số nhà nghiên cứu dùng từ "Southeast" thay cho "South East hay South -East". Bộ tư lệnh tối cao ĐNA (SEAC) dùng từ "Southeast", nhưng tướng Mỹ Mongbatton dùng "South-East". Như vậy, từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, từ "Đông Nam Á" mới xuất hiện trên bản đồ chính trị thế giới như một khu vực riêng biệt và có tầm quan trọng đặc biệt. Do vị trí địa lý nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, ĐNA từ lâu vẫn được coi là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải. Ở ĐNA có tổ chức Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) đang nổi lên như một tổ chức khu vực có vai trò và vị thế quan trọng trên thế giới. Nếu 10 nền kinh tế ASEAN gộp lại với nhau, với tổng dân số trên 600 triệu người, GDP của khu vực này vào khoảng trên 3.000 tỉ USD.

Các nước lớn Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ và Nhật Bản ở những mức độ khác nhau đang phát triển ảnh hưởng ở khu vực này. Thí dụ, tháng 3/2010, Trung Quốc tuyên bố Biển Đông là lợi ích chiến lược "cốt lõi" của họ. Ngay lập tức, Mỹ có phản ứng trước tuyên bố này của Trung Quốc. Nhật Bản đang tìm cách làm gia tăng vai trò ở ĐNA thông qua Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang đối với tàu bè ở châu Á (ReCAAP), còn Ấn Độ công bố Chính sách hướng Đông nhằm gia tăng ảnh hưởng và củng cố vị thế của họ ở ĐNA. Do đó, các nước ĐNA đang tìm cách duy trì "trạng thái cân bằng năng động" cho phép họ khai thác ảnh hưởng của các nước lớn tại đây.

Ở khu vực ĐNA có ASEAN là yếu tố gắn kết hệ thống trong trật tự khu vực. Có thể thấy, ASEAN là một hiện tượng độc đáo về nhiều phương diện. Hình thành vào năm 1967, ASEAN đã trở thành tổ chức của nhiều nước và là một trong những tổ chức có uy tín nhất trên thế giới hiện nay. Sau hơn 4 thập kỷ xây dựng và phát triển, ASEAN tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc soạn thảo và xây dựng cách tiếp cận tập thể để giải quyết những vấn đề bức xúc của khu vực, tạo ra một hệ thống cân bằng và rộng lớn giữa các đối tác đối thoại với các quốc gia hàng đầu thế giới, trong đó có Nga, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và EU. Hiện nay, ASEAN với dân số 580 triệu người của các nước thành viên, tổng thu nhập GDP 1.500 tỷ USD, giá trị ngoại thương 1.700 tỷ USD, hệ thống thương mại phát triển với các đối tác kinh tế then chốt đã khẳng định là một cực có sức thu hút mạnh ở cấp độ khu vực và toàn cầu.

Chính vì thế, cơ chế ASEAN cho phép các nước ĐNA bảo vệ các lợi ích tập thể và tiến hành đối thoại bình đẳng với các lợi ích quốc tế. Tổ chức này là hạt nhân của những liên kết có ảnh hưởng như Diễn đàn khu vực ASEAN; Diễn đàn Á - Âu; cơ chế ASEAN+3 (Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản); Diễn đàn Đông Á gồm ASEAN với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand. Hiện nay, ASEAN đang tìm kiếm sự khẳng định mới trong trật tự thế giới đa cực đang hình thành, củng cố vai trò của tổ chức này trong các quá trình liên kết khu vực trước bối cảnh hình thành các trung tâm sức mạnh mới ở Châu Á - Thái Bình Dương. Do đó, đối với 10 nước ASEAN, việc thông

qua Hiến chương ASEAN năm 2008 cũng như việc hướng đến mục tiêu xây dựng Cộng đồng liên kết ASEAN vào năm 2015 có ý nghĩa rất lớn.

1. Chiến lược của Trung Quốc đối với ĐNA

ĐNA được Trung Quốc xác định là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược hướng Nam của họ. Để phát huy ảnh hưởng sâu rộng tại đây, Trung Quốc đã kết hợp nhiều biện pháp sức mạnh khác nhau, trong đó “sức mạnh mềm” vẫn được xác định là biện pháp chiến lược phục vụ cho quá trình xâm nhập và dần thâm thấu vào khu vực này.

Khi nói về “sức mạnh mềm” của Trung Quốc tại ĐNA, đa số các nhà nghiên cứu chiến lược đều cho rằng, hiện nay đang là “cơ hội ngàn vàng” cho Trung Quốc thực thi chiến lược “sức mạnh mềm” tại các quốc gia ĐNA bởi hai lý do. Một là, Mỹ đang bị sa lầy và bị chi phối khá lớn trong cuộc chiến tranh tại Afghanistan, trong cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố và do khủng hoảng kinh tế. Tranh thủ thời cơ này, Trung Quốc thực thi chiến lược “sức mạnh mềm” của họ. Hai là, hiện nay một số quốc gia ĐNA như Philippines, Lào, Campuchia, Myanmar, là những quốc gia được xếp trong danh sách còn nghèo, lạc hậu, là cơ hội để Trung Quốc thực hiện sức chiến lược “sức mạnh mềm”.

Để thực hiện chiến lược “sức mạnh mềm”, Trung Quốc khai thác đặc điểm văn hóa dân tộc, nhu cầu kinh tế, bối cảnh phát triển đồng ý thức hệ ở các nước khu vực ĐNA. Một khi các nước khu vực này rơi vào “trận đồ bát quái” của “chiến lược mềm”, sẽ bị Trung Quốc khống chế thông qua biện pháp hỗ trợ phát triển, cho vay tài chính với lãi cực thấp thậm chí không hoàn trả, ký kết các hiệp định thương mại, tuyên truyền văn hóa và lịch sử Trung Quốc, giáo dục tư tưởng, đào tạo ngôn ngữ, ủng hộ và đào tạo giúp nguồn nhân lực v.v. Trong vài năm trở lại đây, Trung Quốc đã tăng tốc mạnh tiến trình thực hiện chiến lược “sức mạnh mềm” vào ĐNA trên nhiều lĩnh vực và có phần chi phối mạnh tới việc định hướng tại một số quốc gia trong khu vực. “Sức mạnh mềm” đã trở thành thanh nam châm hút các quốc gia kém phát triển ở khu vực ĐNA đi theo ảnh hưởng của Trung Quốc, từng bước buộc họ phải thay đổi chính sách để thích nghi với hệ giá trị mà Trung Quốc đã xác lập.

Tại Lào, Trung Quốc không ngừng thúc đẩy chiến lược “sức mạnh mềm” thông qua việc chuyên chở ngày càng nhiều các gói tiền hỗ trợ, giúp đỡ dưới nhiều hình thức như đầu tư cho giáo dục, thể thao, văn hóa, trồng trọt, khai khoáng, đào tạo nhân lực. Ngoài ra, là xây dựng cơ sở hạ tầng tại Lào như đường sá, cầu cống, trường học. Trung Quốc đã giúp Lào phát triển kinh tế trong khi vẫn tạo ra một cơ sở hạ tầng xuất nhập khẩu, phục vụ cho xuất khẩu các nguồn tài nguyên thiên nhiên từ Lào sang Trung Quốc, còn Lào nhập khẩu trở lại các hàng hóa từ Vân Nam, Quảng Tây và Tứ Xuyên. Theo Bộ trưởng Kế hoạch đầu tư Lào, Sinlavong Khoutphaythoun, hiện tổng số vốn đầu tư của Trung Quốc tại Lào đã lên tới 3,577 tỷ USD, đứng thứ hai sau Thái Lan.

Hoạt động đầu tư của Trung Quốc tại Lào bắt đầu từ năm 1998 - 1999. Trong đó lĩnh vực chủ yếu bao gồm khai thác khoáng sản (112 dự án), công nghiệp (4 dự án), và các dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng. Đặc biệt là dự án phát triển đặc khu kinh tế Tam giác vàng ở Bắc Lào và dự án nhà máy sản xuất giấy ở tỉnh Savannakhet.

Theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN -Trung Quốc ký năm 2010, Lào và Trung Quốc đã giảm thuế cho hàng hóa của nhau xuống còn 0 - 5% đối với tất cả mặt hàng, trừ những mặt hàng nhạy cảm và gây ảnh hưởng đến an ninh mỗi nước. Theo đó, chính phủ hai nước đề ra chỉ tiêu thương mại song phương đạt 1 tỷ USD trong năm 2010.

Tại Campuchia, trong vài năm trở lại đây Trung Quốc đã tăng tốc mạnh tiến trình thực hiện chiến lược “sức mạnh mềm” ở Campuchia trên nhiều lĩnh vực và có phần chi phối mạnh tới việc định hướng cho quốc gia này. Trung Quốc đang chạy đua với Mỹ và một số quốc gia khác để trở thành đối tác thương mại lớn của Campuchia. Trung Quốc đã viện trợ hàng triệu USD cho Campuchia trong thập kỷ qua, đồng ý xóa nợ và trao cho Campuchia tình trạng miễn thuế quan đối với khoảng 400 mặt hàng.

Trung Quốc đã ký với Campuchia nhiều thỏa thuận kinh tế trị giá tới hàng tỉ USD. Đây là một phần trong khuôn khổ quá trình hợp tác sâu rộng mà Trung Quốc muốn tạo dựng tại Campuchia. Ngoài ra, các thỏa thuận song phương bao gồm các khoản viện trợ và cho vay của Trung Quốc đối với Campuchia cũng ngày một tăng. Phía Trung Quốc cũng cảm ơn Chính phủ Campuchia đã trục xuất 20 người Duy Ngô Nhĩ bỏ chạy từ Trung Quốc sau cuộc bạo loạn tại Tân Cương hồi tháng 7/2009.

Trung Quốc đã bàn giao cho Campuchia hơn 250 xe quân sự. Nhân sự kiện này, ông Moeung Samphan, Thứ trưởng quốc phòng Campuchia, nói: *"Trung Quốc đã giúp Campuchia trong một thời gian khá dài. Những gì mà Campuchia yêu cầu, thì Trung Quốc luôn luôn cung cấp bất cứ khi nào họ có thể"*. Việc viện trợ này thực sự đã tác động mạnh vào sự thành công trong thực hiện chiến lược “sức mạnh mềm” của Trung Quốc ở Campuchia.

Với chiến lược “sức mạnh mềm”, Trung Quốc đang muốn tạo dựng một vị thế cường quốc ở ĐNA, làm nền tảng quan trọng cho tiến trình vươn rộng ra thế giới trong tương lai. Trong khi đó, Lào và Campuchia là các nhà cung cấp khoáng sản quan trọng của Trung Quốc. Việc thiết lập quan hệ chặt chẽ với các nước này giúp duy trì nguồn cung cấp tài nguyên cho nền kinh tế Trung Quốc.

Cùng với việc Mỹ thể hiện sức mạnh quân sự trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã và đang thể hiện một hình ảnh trái ngược, một cường quốc ủng hộ hòa bình và thịnh vượng, mong muốn xây dựng một “thế giới hài hòa”. Tuy nhiên, việc Trung Quốc tăng cường sức mạnh quân sự khiến nhiều nước nghi ngại trước “sức mạnh cứng” tăng lên của Trung Quốc. Vì thế, trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục thể hiện và thực hiện “sức mạnh mềm” của họ trong một thời gian dài nữa để chiếm niềm tin trọn vẹn của các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Để giảm bớt và xua tan những quan ngại về việc tăng cường quân sự, Trung Quốc bắt đầu thực hiện “*hoạt động quân sự phi truyền thống*” (Military Operations Other Than War).

Trong chiến lược đối với các nước khu vực ĐNA của Trung Quốc, Biển Đông có vị trí đặc biệt. Trong chiến lược hướng ra biển lớn của Trung Quốc, các quốc gia ĐNA có một vai trò cực kỳ quan trọng. Có thể nói các nước ĐNA đang nắm trong tay chiếc chìa khóa hướng ra biển lớn của Trung Quốc. ĐNA án ngữ biển Đông (Trung Quốc gọi là Biển Nam Trung Hoa hay Nam Hải), nơi có 21/39 tuyến hàng hải quốc tế từ Trung Quốc đi qua khu vực này. ĐNA cũng là khu vực có các quốc gia có tranh chấp trực tiếp với Trung Quốc về chủ quyền biển đảo trên Biển Đông.

Từ lâu, Trung Quốc luôn tìm mọi cách phản đối chủ trương đa phương hóa các vấn đề tranh chấp trong khu vực vì đa phương hóa các vấn đề tranh chấp trong khu vực là cơ hội để Mỹ can thiệp vào khu vực này. Trung Quốc luôn muốn giải quyết các tranh chấp theo phương thức đàm phán song phương. Lúc đó, với sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự đang có họ sẽ có được kết quả có lợi nhất cho mình. Đồng thời, Bắc Kinh luôn phản đối sự hợp tác của các quốc gia ĐNA với nước ngoài trong các dự án khai thác tài nguyên trên biển Đông. Trong khi đó, các nước trong khối ASEAN chưa đạt được sự thống nhất cao trong cách giải quyết các tranh chấp.

Từ lâu các nước Đông Nam Á muốn có được Bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông (COC) để các tranh chấp trong khu vực không lâm vào ngõ cụt, tránh các nguy cơ xung đột. Song Trung Quốc luôn trì hoãn vấn đề này. Họ chỉ đáp ứng các yêu cầu của các nước ĐNA một cách nhỏ giọt. Mãi đến năm 2002, Tuyên bố về cách ứng xử trên biển Đông (DOC) mới được ký kết. Cả hai bên Trung Quốc và ASEAN mới chỉ thống nhất nâng cấp DOC thành một Bộ Quy tắc ứng xử COC có tính ràng buộc về mặt pháp lý.

Trong thời gian qua, Trung Quốc liên tục tổ chức, quảng cáo các chuyến du lịch trên Biển Đông, gia tăng các hoạt động khai thác tài nguyên trên các vùng biển tranh chấp. Nếu ASEAN không hành động nhanh, thế giới chỉ biết đến Biển Đông như là một phần của Trung Quốc. Trung Quốc đã đệ trình lên Liên Hợp Quốc tám bản đồ với “đường lưỡi bò” chiếm đến 80% diện tích biển Đông. Họ đưa ra những tuyên bố hết sức vô lý bất chấp sự phản đối của ASEAN. Bắc Kinh hiểu rõ tuyên bố này vi phạm công ước về Luật biển 1982, trái với tinh thần của Tuyên bố về cách ứng xử trên biển Đông (DOC), đồng thời cũng biết chắc các nước ASEAN, đặc biệt là các nước có tranh chấp với Trung Quốc về lãnh hải sẽ phản đối tới cùng yêu sách này. Điều đó có nghĩa họ không muốn kết thúc các vấn đề tranh chấp này.

Đồng thời, Trung Quốc liên tục củng cố và nâng tầm đối tác chiến lược với một số nước ĐNA không có tranh chấp chủ quyền biển đảo với họ, đặc biệt là các nước có nền kinh tế yếu trong ASEAN. Tháng 12/2010, trong chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Campuchia Hun Sen, hai bên đã nhất trí nâng mối quan hệ song phương lên tầm đối tác chiến lược. Trung Quốc hiện là nhà đầu tư lớn nhất vào Campuchia. Trung Quốc cũng đã nâng mối quan hệ song phương lên tầm đối tác chiến lược với Lào. Trung Quốc đang đầu tư mạnh vào các quốc gia này, nhằm trói buộc các nền kinh tế non yếu này. Trung Quốc cũng có những động thái tích cực để đẩy mạnh quan hệ song phương với Myanmar.

Bên cạnh các hoạt động nói trên, vừa qua, Trung Quốc liên tục gia tăng bán vũ khí cho các quốc gia ĐNA, đặc biệt là các quốc gia không có tranh chấp trực tiếp với Trung Quốc về chủ quyền biển đảo.

2. Chiến lược của Mỹ đối với ĐNA

Mỹ bắt đầu quan tâm đến Đông Á - Thái Bình Dương từ Chiến tranh thế giới thứ II. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, ĐNA chưa chiếm vị trí ưu tiên cao trong chính sách của Mỹ. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, do tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, khu vực ĐNA trở thành mối quan tâm đặc biệt của Mỹ. Sau thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ bắt đầu rút lui dần ảnh hưởng ở khu vực ĐNA.

Đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, với những biến đổi to lớn, ĐNA trở thành nhân tố quan trọng trong tính toán chiến lược của Mỹ ở khu vực CA - TBD. ĐNA đã trở

thành một khu vực tương đối hòa bình và ổn định. Tuy nhiên, do môi trường an ninh ở ĐNA ẩn chứa nhiều nhân tố bất ổn, hình thành hai xu hướng thu hút sự quan tâm của Mỹ. *Một là*, các nước tăng cường mua sắm vũ khí, khiến ĐNA là một trong số ít khu vực trên thế giới đi ngược lại xu hướng giải trừ quân bị, giảm chi tiêu quốc phòng sau chiến tranh lạnh. *Hai là*, các nước ĐNA thúc đẩy sự hợp tác và đối thoại về an ninh. Một mặt, hợp tác song phương trong giải quyết các vấn đề an ninh. Mặt khác, xu hướng hợp tác đa phương về an ninh cũng đã xuất hiện và tiến triển tương đối nhanh. Tháng 7/1993, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (AMM) họp ở Singapore thống nhất thành lập Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) với sự tham gia của hầu hết các nước lớn. Nội dung thảo luận không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ các vấn đề an ninh ở ĐNA mà còn thảo luận các vấn đề an ninh ở các khu vực khác rộng lớn hơn như Đông Bắc Á và CA - TBD khiến Mỹ không thể không quan tâm.

Giữa thập niên 90, tuy Mỹ chưa công bố một chính sách rõ ràng đối với ĐNA, song trên thực tế Mỹ tiếp tục sự hiện diện quân sự ở khu vực qua việc duy trì các hiệp ước an ninh song phương với các nước đồng minh. Mỹ cũng ủng hộ hợp tác đa phương về an ninh ở khu vực, đặc biệt là đối thoại an ninh trong khuôn khổ ARF, nhằm bổ sung cho những quan hệ song phương và những mục tiêu rộng lớn hơn ở CA - TBD. Mỹ cố gắng tham gia, dù là gián tiếp, quá trình xử lý các vấn đề an ninh khu vực.

Sau sự kiện ngày 11/9/2001, Tổng thống G.W.Bush chủ trương tăng đầu tư vào quân sự, tái khẳng định sự cam kết quân sự tại một số khu vực trên thế giới, trong đó có ĐNA, và thể hiện quyền lực nước lớn lãnh đạo cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố. Mỹ hợp tác quân sự chặt chẽ hơn với các nước khu vực CA - TBD, mà ĐNA là một bộ phận. Như vậy, sau năm 2001, chính sách của Mỹ đối với ĐNA có một vài khác biệt so với những năm trước đó, quan tâm nhiều hơn đến khu vực ở khía cạnh an ninh và quân sự, với một số đặc điểm. *Một là*, quan hệ song phương là chủ yếu, đa phương mang tính hỗ trợ. *Hai là*, an ninh quân sự nổi lên như một lĩnh vực hợp tác quan trọng; kinh tế tiếp tục là nhân tố mấu chốt trong quan hệ, nhưng được nhìn nhiều hơn dưới khía cạnh "an ninh kinh tế". *Ba là*, Mỹ cứng rắn hơn trong các mối quan hệ đồng minh và đối tác, "cái gậy" được sử dụng nhiều hơn "củ cà rốt". *Bốn là*, chính sách của Mỹ với khu vực ngày càng có xu hướng đa dạng hóa các hợp tác. Trên cơ sở này, chính sách của Mỹ đối với các nước ĐNA được phân thành 3 nhóm quan hệ: nhóm các đồng minh lâu năm (gồm Indonesia, Malasia, Philipine và Thái Lan); nhóm các đối tác Đông Dương (có Campuchia, Lào, Việt Nam); Myanmar là nước bị Mỹ cấm vận. Trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống G.W.Bush, Đảng Cộng hòa tiếp tục chính sách đối ngoại thực dụng, nhận ra sức mạnh có giới hạn của một siêu cường. Vì vậy từ năm 2005, Mỹ tham gia nhiều hơn vào các cơ chế an ninh đa phương ở ĐNA.

Đến thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Mỹ Barack Obama, với chiến lược sử dụng "quyền lực thông minh" trong ngoại giao, Washington tìm cách khẳng định vị thế mới của Mỹ trong một thế giới đã thay đổi. Giải thích trước Quốc hội Mỹ về "quyền lực thông minh", Ngoại trưởng Hillary Clinton cho biết, với chiến lược này, Mỹ sẽ thực hiện "can dự có tính chất hợp tác" vào các vấn đề quốc tế; sẽ sử dụng tất cả các công cụ ngoại giao, kinh tế, quân sự, chính trị, luật pháp và văn hóa để tiếp cận bạn bè cũng như đối thủ; vừa củng cố các liên minh cũ, vừa tìm kiếm các đồng minh mới. Tuy Đông Bắc Á là trọng tâm chiến lược của Mỹ ở Đông Á - Thái Bình Dương, nhưng Tổng thống Mỹ Barack Obama đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến khu vực ĐNA. Vì thế, ông đã cử Ngoại trưởng H.

Clinton đi thăm Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Indonesia ngay sau khi lên cầm quyền.

Về kinh tế, Tổng thống Mỹ Barack Obama tiếp tục chính sách kinh tế của Tổng thống G.W.Bush ở khu vực như khuyến khích các cải cách kinh tế theo hướng thị trường ở các nước khu vực ĐNA; triển khai thực hiện những hiệp định kinh tế đã được phê chuẩn; từng bước thúc đẩy thương mại tự do với ASEAN; cải thiện môi trường đầu tư nhằm mở rộng thị trường cho hàng hóa và đầu tư của Mỹ. Mỹ tiếp tục đàm phán cho Hiệp định thương mại tự do Mỹ - ASEAN và tìm kiếm một thỏa thuận về đầu tư.

Về chính trị, Mỹ muốn xác lập cơ chế đối thoại cấp cao thường niên với các nước ASEAN. Phát biểu trong Hội nghị thượng đỉnh G-20 ngày 25/9/2009, Tổng thống Mỹ Barack tuyên bố, Mỹ đồng ý tổ chức hội nghị ASEAN - Mỹ lần đầu tiên tại Singapore vào tháng 11/2009. Theo các nhà phân tích, sau nhiều năm chờ đợi, việc Mỹ lần đầu tiên chấp nhận tổ chức hội nghị cấp cao đã đánh dấu giai đoạn mới trong chính sách của Mỹ đối với ĐNA.

Về liên kết ASEAN, Mỹ thúc đẩy liên kết ASEAN theo hướng thể chế hóa, coi việc thực hiện Hiến chương ASEAN, xây dựng cơ chế nhân quyền và triển khai các cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN là các điều kiện tiến tới việc nâng tầm quan hệ đối tác Mỹ - ASEAN.

Về thúc đẩy tiến trình dân chủ, với mục tiêu thúc đẩy tiến trình dân chủ theo mô hình phương Tây ở các nước ASEAN, Mỹ vừa hỗ trợ tài chính, vừa gây sức ép chính trị nhưng tránh các răn đe. Đối với Myanmar, Mỹ nói lỏng cấm vận và có những nỗ lực đối thoại. Năm 2011 đánh dấu bước phát triển đột phá trong quan hệ Mỹ - Myanmar với chuyến thăm của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton tới quốc gia này.

Về an ninh - quốc phòng, các quan hệ song phương với các đồng minh ASEAN và sự có mặt quân sự của Mỹ ở một số điểm chủ chốt trong khu vực vẫn là những trụ cột cơ bản. Đồng thời Mỹ tích cực hơn với các hợp tác an ninh đa phương ở khu vực. Tháng 7/2009, Ngoại trưởng Mỹ H. Clinton đã đến Thái Lan tham dự ARF sau một thời gian dài Mỹ không quan tâm.

Về sự can dự vào ASEAN. Mỹ đã bổ nhiệm một phái đoàn đại diện tại Giacarta (Indonesia), nơi có trụ sở của Ban Thư ký ASEAN. Ngày 22/7/2009, Ngoại trưởng Mỹ đã ký các văn kiện về việc Washington tham gia Hiệp ước hợp tác và thân thiện ở ĐNA (TAC) của ASEAN. Đây là những dấu hiệu cho thấy Mỹ muốn can dự có hệ thống ở Đông Nam Á.

Về quan hệ đối tác, Mỹ xác định lại các đối tác quan hệ ở ĐNA, tiếp tục tăng cường các mối quan hệ đồng minh với Philippine, Thái Lan, Singapore, đồng thời tăng cường quan hệ với Indonesia, Malaysia, Việt Nam, Lào và Campuchia.

Với Philippine, Mỹ đã khôi phục lại quan hệ quân sự chặt chẽ, coi quốc gia này là "điều phối viên đặc biệt" của Mỹ trong quan hệ với ASEAN. Tổng thống Mỹ Barack Obama cho rằng Philippine là nước có quan điểm gần nhất với Mỹ trong vấn đề Myanmar và nhiều vấn đề an ninh - chính trị ở khu vực.

Với Indonesia, Mỹ có quan hệ "đặc biệt" và coi nước này là "sự khởi đầu" cho quan hệ Mỹ - ĐNA. Chính quyền của Tổng thống Mỹ Barack Obama cho rằng, Indonesia có thể đóng vai trò cầu nối giữa Phương Tây và thế giới Hồi giáo bởi đó là nền dân chủ lớn thứ 3

trên thế giới đã chứng minh được rằng Hồi giáo, dân chủ và hiện đại không những chỉ tồn tại được cùng nhau mà còn có thể gắn kết được với nhau. Là một quốc gia Hồi giáo ôn hòa, Indonesia còn là nước có trụ sở của ASEAN và là một cường quốc khu vực với nền kinh tế lớn nhất ĐNA. Tất cả những đặc điểm này phù hợp với mục đích sử dụng "sức mạnh ngoại giao thông minh" của Mỹ nhằm thiết lập các quan hệ đối tác toàn diện.

Mỹ cũng coi quan hệ với Malaysia là "quan hệ đặc biệt" và cũng là trọng tâm để Mỹ tiếp tục cuộc chiến chống khủng bố ở ĐNA vì Malaysia án ngữ ở eo biển Malaca và là cửa ngõ tiếp cận với lực lượng ly khai ở Indonesia, Thái Lan và Philippine.

Ở khu vực ĐNA, Mỹ có những lợi ích bất biến. Đó là:

- Duy trì sự cân bằng lực lượng có lợi cho Mỹ theo nghĩa không có cường quốc nào nổi lên không chế hoặc có thể định ra "luật chơi" ở khu vực, do đó đe dọa các quốc gia khu vực. Vì thế, muốn có một cơ chế an ninh ổn định ở khu vực ĐNA, Mỹ có lợi ích duy trì sự có mặt ở đây. Hơn nữa, sự có mặt quân sự của Mỹ ở khu vực còn giúp Mỹ có được tiếng nói trong một loạt vấn đề kinh tế, chính trị và an ninh của khu vực.

- Xây dựng một trật tự ổn định và nguyên trạng đi đôi với việc xác định lại vai trò của các nước lớn nhằm tiếp tục duy trì ảnh hưởng và vị trí của Mỹ ở khu vực trong tình hình mới. Trong điều kiện so sánh lực lượng giữa các nước lớn có thay đổi và tổ chức ASEAN ngày càng có tiếng nói, có uy tín trong việc giải quyết các vấn đề ở khu vực, thì lợi ích của Mỹ là xác định lại cơ sở cho mối quan hệ Mỹ - Nhật Bản, Mỹ - Trung Quốc, Mỹ - ASEAN, dính líu tích cực vào khu vực, nhằm tiếp tục duy trì vị trí chi phối của Mỹ trong các vấn đề khu vực.

- Bảo vệ khả năng tiếp cận khu vực, Mỹ đang phát triển những quan hệ quân sự mới với các nước ASEAN, tạo ra cho Mỹ một sự linh hoạt và cơ động ở khu vực ĐNA, và từ khu vực này ra toàn Đông Á - Thái Bình Dương và rộng hơn là CA - TBD.

- Thúc đẩy nền kinh tế của các nước ASEAN tiếp tục phát triển, lôi kéo các nước ASEAN ủng hộ chủ trương của Mỹ trong APEC và ngăn chặn tư tưởng bài Mỹ. Hầu hết ĐNA đã tiến đến những chính sách kinh tế: tự do kinh doanh và hướng về xuất khẩu.

- Bảo đảm an ninh và tự do trên đường biển quốc tế qua Biển Đông, đặc biệt là ở khu vực gần quần đảo Trường Sa, eo biển Malaca. Nếu các tuyến giao thông đường biển đi qua đây bị các cuộc xung đột vũ trang do tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở Trường Sa cắt đứt thì lợi ích kinh tế của các nước CA - TBD, trong đó có Mỹ, sẽ bị đảo lộn nghiêm trọng. Do đó, duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực quần đảo Trường Sa là rất quan trọng nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế của Mỹ ở CA - TBD.

3. Chiến lược của Nga đối với ĐNA

Sự phát triển quan hệ đối thoại đối tác giữa Nga và các nước khu vực ĐNA là một trong những ưu tiên trong chính sách của Nga ở CA - TBD bởi Nga và các nước trong khu vực này có quan hệ gắn kết với nhau dựa trên nền tảng lịch sử bền vững.

Trong giai đoạn kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ II, Liên Xô đã từng đóng vai trò quyết định trong việc đập tan chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Chiến thắng chung của Liên Xô và các nước trong khu vực trên chiến trường CA - TBD đem lại cho các dân tộc ở Châu Á một nền hòa bình lâu dài và tự do. Trong những năm sau chiến tranh, Liên Xô kiên trì giúp đỡ và có hiệu quả cho nhiều nước khu vực này trong cuộc đấu tranh giải

phóng dân tộc và giành độc lập. Liên Xô thiết lập quan hệ hữu nghị và tương trợ đặc biệt gắn bó với các nước Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam. Liên Xô và Nga chưa bao giờ cắt đứt quan hệ ngoại giao bền vững với Thái Lan và đã từng thiết lập quan hệ tốt đẹp với Malaysia, Singapore, Philipines và Brunei.

Ngày nay, quan hệ giữa Nga với các nước ĐNA dựa trên nền tảng mới không phụ thuộc vào hệ tư tưởng, từ đó Nga trở thành đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN vào năm 1996 trên cơ sở pháp lý và tiêu chuẩn hợp tác giữa Nga và ASEAN như Tuyên bố chung về đối tác trong lĩnh vực hòa bình và an ninh, thịnh vượng và phát triển ở CA - TBD; Tuyên bố chung về đối tác và phát triển toàn diện; Chương trình phối hợp và hành động nhằm phát triển và hợp tác trong những năm 2005 - 2015; Hiệp định về sự hợp tác trong lĩnh vực kinh tế và phát triển cùng với nhiều văn kiện khác.

Nga và các nước khu vực ĐNA đang thúc đẩy mở rộng cơ cấu và cơ chế đối thoại như Cuộc gặp hàng năm của Bộ trưởng Ngoại giao Nga và các nước ASEAN; Hội nghị các quan chức cấp cao về các vấn đề chính trị (ở cấp độ Thứ trưởng Ngoại giao); Đối thoại về các vấn đề kinh tế và năng lượng; các Nhóm công tác phối hợp về hợp tác kinh tế - thương mại và hợp tác khoa học công nghệ; các Nhóm công tác về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia. Những cơ quan chủ yếu làm nhiệm vụ phối hợp thực tế là Ủy ban phối hợp, hợp tác và Ủy ban lập kế hoạch và thực hiện phối hợp. Những sự kiện đánh dấu giai đoạn phát triển quan hệ giữa Nga và ASEAN là Hội nghị giữa Nga và ASEAN được tổ chức vào ngày 13-12-2005 ở Kuala Lumpur để xác định những xu hướng ưu tiên và tạo ra động lực thực tế để giải quyết nhiều vấn đề quan trọng.

Tuy nhiên, trong một thời gian dài, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, sự hợp tác kinh tế giữa Nga và ASEAN bị trì trệ và hiện nay vẫn đi sau mức độ phát triển đối thoại chính trị. Khối lượng luân chuyển thương mại giữa Nga và ASEAN vẫn còn ở mức khiêm tốn, vào khoảng 10 tỷ USD. Nhưng tình hình đang bắt đầu thay đổi vì tiềm lực hợp tác giữa hai bên là rất lớn. Một bước tiến quan trọng có tính nguyên tắc trong việc thúc đẩy sự hợp tác quốc tế là việc thành lập Quỹ tài chính đối tác đối thoại của Nga và ASEAN trong những năm 2007 - 2009. Hai bên đã thực hiện các biện pháp phối hợp trong lĩnh vực phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, kinh doanh nhỏ và vừa, nghiên cứu tiếng Nga, du lịch và y tế. Từ đó hình thành đề xuất các đề án trong lĩnh vực phản ứng khẩn cấp và công nghệ sinh học hiện đại. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của Nga và ASEAN trong thời gian tới là chuyển từ các đề án đơn lẻ sang các chương trình hợp tác dài hạn có quy mô lớn hơn và hai bên cùng có lợi.

Một hình thức quan trọng để phát triển hợp tác giữa Nga và ASEAN là thiết lập các cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa các cơ quan của Nga và ASEAN. Tháng 8/2010, tại thành phố Đà Nẵng của Việt Nam diễn ra cuộc gặp đầu tiên của Bộ trưởng kinh tế của Nga và ASEAN để thông qua quyết định xây dựng lộ trình hợp tác kinh tế giữa Nga và ASEAN nhằm thúc đẩy sự phát triển hợp tác trong lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng, vũ trụ, nông nghiệp, giao thông vận tải, công nghệ khoa học và luyện kim.

Sự phát triển quan hệ đối tác Nga - ASEAN nằm trong khuôn khổ chính sách của Nga đối với CA - TBD. Tại Hội nghị về phát triển kinh tế xã hội khu vực Viễn Đông, Tổng thống Nga Dmitry Medvedev khẳng định, Nga sẽ củng cố vị thế của mình ở khu vực CA - TBD. Đây là cơ sở quan trọng cho sự hợp tác giữa Nga và ASEAN

Nga không có ý định cạnh tranh với bất kỳ nước nào trong các lĩnh vực hợp tác với ASEAN mà cả hai bên đều có lợi. Tính chất năng động trong sự phát triển toàn cầu đã đặt vấn đề năng lượng lên hàng đầu trong sự hợp tác giữa Nga và ASEAN. 10 nước ASEAN rất quan tâm tới khả năng của Nga trong lĩnh vực này. Lần đầu tiên Nga và ASEAN tiến hành các hoạt động tư vấn về năng lượng vào tháng 2/2010 ở Myanmar và Hội nghị các quan chức cấp cao vào tháng 7/2010 ở Việt Nam. Trong các cuộc gặp đó, hai bên đã thống nhất xây dựng Chương trình công tác Nga - ASEAN về hợp tác trong lĩnh vực năng lượng trong những năm 2010-2015. Tháng 9-2010, Tập đoàn quốc gia “Rosatom” của Nga tổ chức cuộc hội thảo với các chuyên gia ASEAN về các vấn đề sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình. Sắp tới, hai bên sẽ tổ chức cuộc đối thoại trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và công nghệ sạch với môi trường. Một trong những hướng có triển vọng trong sự hợp tác giữa hai bên là Nga sẽ tham gia thực hiện chương trình nhằm giảm khoảng cách về mức độ phát triển giữa các thành viên cũ và thành viên mới trong ASEAN, trong đó có các đề án khai thác tiểu vùng sông Mê Kông. Sự phát triển quan hệ kinh tế và kết quả cụ thể đạt được cho phép Nga và ASEAN từng bước tiến tới ký kết hiệp ước tự do thương mại Nga -ASEAN. Hiện nay, Nga đang thực hiện kế hoạch phối hợp nỗ lực với các đối tác ASEAN nhằm khắc phục hậu quả, thảm họa thiên nhiên. Tháng 3-2010, ở Singapore diễn ra các cuộc tham vấn đầu tiên giữa Nga với ASEAN về cách phản ứng trước các tình huống khẩn cấp. Phía Nga tin rằng những công nghệ và khả năng của Nga trong việc cảnh báo và khắc phục thảm họa thiên nhiên sẽ có ích đối với các đối tác, còn việc nghiên cứu, xây dựng một văn kiện khung về sự hợp tác trong lĩnh vực này sẽ tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các đề án phối hợp.

Một trong những nhiệm vụ then chốt trong hợp tác giữa Nga và ASEAN là chống khủng bố. Năm 2004, theo sáng kiến của Nga đã khởi động cơ chế Hội nghị quan chức cấp cao của Nga và ASEAN về chống tội phạm xuyên quốc gia. Năm 2009, thành lập Tiểu ban công tác của Nga và ASEAN về chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, đồng thời thông qua kế hoạch công tác của tiểu ban này. Trong tương lai, Nga và ASEAN sẽ thiết lập các cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa các cơ quan an ninh của Nga và các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nga với các trung tâm chống khủng bố của ASEAN.

Nga đặc biệt coi trọng sự phát triển các mối quan hệ nhân văn giữa Nga với các nước ASEAN. Hai bên đã có rất nhiều khả năng và đều rất quan tâm đến khu vực Đông Nam Á, thể hiện ở số lượng khách du lịch của Nga ngày càng đông đảo tới khu vực này. Các nước ASEAN cũng rất quan tâm tới nước Nga. Để hỗ trợ cho việc hoạt động trao đổi văn hóa và tìm hiểu lẫn nhau, ngày 15-6-2010 ở Học viện Ngoại giao của Nga đã khai trương Trung tâm ASEAN. Trung tâm này đóng vai trò quan trọng ở Nga trong việc phổ biến kiến thức về Nga và ASEAN. Hai bên thống nhất chuẩn bị Chương trình kỷ niệm 15 năm quan hệ đối tác đối thoại giữa Nga và ASEAN vào năm 2011 nhằm góp phần tăng cường sự hiểu biết, gần gũi giữa nhân dân Nga và nhân dân các nước, trong số đó có mở Ngày văn hóa Nga ở các nước ASEAN.

Trong số những yếu tố chủ yếu để phát triển thành công quan hệ giữa Nga với các nước khu vực ĐNA là sự gần gũi hoặc trùng hợp về quan điểm đối với rất nhiều vấn đề toàn cầu và khu vực, tạo khả năng to lớn để hai bên cùng phối hợp hoạt động trong các công việc quốc tế. Từ năm 1994, Nga và ASEAN đã hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Diễn đàn này là một trong những trụ cột của cấu trúc an ninh của khu vực. Với sự quan tâm đặc biệt, Nga tham gia vào các hội nghị cấp

bộ trưởng hàng năm của ARF. Trong suốt nhiều năm, Nga và ASEAN đã có các hoạt động nhằm tăng cường nội dung sinh hoạt chính trị đồng thời tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình cảm thân thiện giữa hai bên. Đặc biệt, Nga đã tham gia Diễn đàn Bộ trưởng Quốc phòng các nước thành viên ASEAN với các đối tác đối thoại (ADMM+) lần đầu tiên được tổ chức vào tháng 10-2010 ở Hà Nội, Việt Nam.

Nga và ASEAN ủng hộ việc xây dựng cấu trúc khu vực hoàn thiện hơn ở CA - TBD theo nguyên tắc bình đẳng và minh bạch, dựa trên cơ sở đa trung tâm, quyền tối cao của pháp luật, tính đến lợi ích của tất cả các nước trong khu vực dựa trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở ĐNA, trong đó Nga đã tham gia từ năm 2004. Phương thức có hiệu quả nhất để xây dựng “*Ngôi nhà Châu Á - Thái Bình Dương*” là sự phát triển hoạt động ngoại giao theo cơ chế mạng đa phương. Về phương diện đó, Nga đánh giá ASEAN là một tấm gương tốt đối với các tổ chức và các liên kết đa phương khác, thể hiện ở mối quan hệ với đông đảo các đối tác trong khu vực và trên thế giới. Các đồng nghiệp ASEAN cũng đánh giá cao vai trò của Nga ở CA - TBD, coi Nga là một yếu tố duy trì ổn định chiến lược và bảo đảm sự phát triển kinh tế bền vững. Nga hợp tác với các nước trong khu vực này với ý định chân thành là đóng góp vào sự nghiệp hòa bình và thịnh vượng chung trong khu vực. Như vậy, mục tiêu cơ bản của Nga và ASEAN là trùng hợp nhau.

Các nước ASEAN hiểu rất rõ rằng, không một cơ chế hợp tác nào trong khu vực là đầy đủ và hoàn thiện nếu thiếu sự tham gia của các quốc gia đứng đầu thế giới, trong đó có Nga. Do đó, Nga đánh giá cao sự hợp tác của các nước ASEAN trong việc ủng hộ Nga tham gia Diễn đàn Á - Âu tháng 10-2010 tại Brussels, cũng như thông qua quyết định mời Nga tham gia cơ chế Diễn đàn Đông Á. Về phía mình, Nga ủng hộ đề nghị mời Chủ tịch ASEAN năm 2010 tham dự Diễn đàn G20 ở Hàn Quốc. Sự phối hợp chặt chẽ trong lĩnh vực ngoại giao hoàn toàn đáp ứng lợi ích chung của Nga và ASEAN.

Diễn đàn Nga - ASEAN lần thứ II diễn ra bên lề Hội nghị cấp cao ASEAN năm 2010 là một sự kiện đặc biệt vì chủ nhân của Hội nghị cấp cao ASEAN lần này là Việt Nam, người bạn và là đối tác chiến lược tin cậy của Nga. Văn kiện chủ yếu được thông qua tại Diễn đàn Nga - ASEAN lần thứ II là Tuyên bố chung phản ánh quan điểm chung của các bên tiếp tục đẩy mạnh sự hợp tác giữa Nga và ASEAN và về nhiều vấn đề cấp bách. Các bên đã ký hiệp định liên chính phủ giữa Nga và ASEAN về sự hợp tác trong lĩnh vực văn hóa. Trước đó, trong khuôn khổ diễn đàn đầu tư và kinh doanh của ASEAN đã diễn ra cuộc gặp giữa đại diện cộng đồng thương mại của Nga với các nước trong khu vực. Phía Nga đánh giá diễn đàn này là một sự kiện có ý nghĩa, tạo động lực mới quan trọng cho sự hợp tác ở cấp độ quốc gia, giữa đại diện các tổ chức thương mại và xã hội, giữa các nhà hoạt động và văn hóa. Như vậy, Nga và ASEAN đang bước vào một giai đoạn hợp tác mới. Sắp tới đây sẽ diễn ra các cuộc gặp thường xuyên giữa các lãnh đạo giữa Nga và ASEAN nhằm thực hiện kết quả của Tuyên bố chung tại Hà Nội.

Nga và ASEAN gắn kết với nhau rất chặt chẽ như là những đối tác vì cả hai bên đều cần đến hòa bình và ổn định ở khu vực CA - TBD. Nga không có tham vọng dành ưu thế quân sự, cũng không đặt ra nhiệm vụ bảo đảm an ninh biên dưới phía đông của Nga làm phương hại đến an ninh của các nước khác. Nga không có kế hoạch xây dựng căn cứ xây dựng ở CA - TBD, không xây dựng liên minh quân sự bí mật với các nước trong khu vực, không cạnh tranh với bất kỳ các nước nào trong việc tranh giành ảnh hưởng. Nga tăng cường hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực an ninh không nhằm chống lại nước thứ ba.

Nga tôn trọng chủ quyền của các nước trong khu vực, ủng hộ sự đa dạng của mô hình phát triển, đối thoại giữa các nền văn hóa và tôn giáo. Chính sách đối ngoại của Nga dựa trên nguyên tắc phát triển hài hòa quan hệ đa sắc tộc và đa văn hóa phù hợp với triết lý chính trị của ASEAN. Nga hợp tác xây dựng với các nước trong khu vực trong khuôn khổ cơ chế đa phương hiện có nhưng cũng sẵn sàng đề xuất sáng kiến xây dựng các diễn đàn mới như tăng cường tiếp xúc chặt chẽ hơn nữa giữa ASEAN với Tổ chức hợp tác Thượng Hải. Mối quan hệ đối thoại và đối tác giữa Nga và ASEAN đang phát triển tự tin và không ngừng. Hai bên đều có đủ các điều kiện cần thiết, gồm ý trí chính trị, truyền thống hữu nghị lâu đời, nền tảng hợp tác bền vững và sự quan tâm về lợi ích của nhau. Do đó, quan hệ hợp tác giữa Nga và ASEAN có rất nhiều triển vọng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chiến lược quốc phòng mới của Mỹ và tác động của nó tới an ninh thế giới.*/ Lê Thế Mẫu.- Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 3/2012.
1. *Đôi nét về chiến lược an ninh và đối ngoại của Mỹ hiện nay.*/ Minh Đức.- Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 2-2012. Phiên bản điện tử ra ngày 09/02/2012.
2. *Chiến lược của một số nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương.*/ Lê Minh Quang.- Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 3/2011/ Phiên bản điện tử ra ngày 10/03/2011.
4. *Chiến lược quân sự mới của Mỹ và những "hệ lụy" của nó*/ Minh Đức.- Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 8/2011. Phiên bản điện tử ra ngày 11/ 8/2011.
5. *Châu Á và sự hiện diện quân sự mới của Mỹ.*/ Lê Thế Mẫu.- Tạp chí Việt-Mỹ, số 3/2012.
6. *Tổng quan thế giới 2011 và một vài dự báo năm 2012*/TTXVN.-Tài liệu tham khảo chuyên đề tháng 1/2012
7. *Chiến lược quân sự mới của Mỹ ở châu Á – Thái Bình dương và tác động đối với quan hệ Trung Mỹ*/ TTXVN.- Tài liệu tham khảo chuyên đề.- Tháng 2 năm 2012
8. *Chiến lược của các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương*/ Khuất Thành Trung .- Sự kiện nhân vật nước ngoài số 10, năm 2011
9. *Quan hệ Mĩ – Trung và trật tự khu vực Châu Á–Thái Bình Dương*/ Vũ Lê Thái Hoàng.- Nghiên cứu quốc tế, số 3/2010
10. *Chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông từ 2007 đến nay*/ Đỗ Thanh Hải, Nguyễn Thuỳ Linh .- Nghiên cứu quốc tế, số 3/2011
11. *Mỹ, Trung quốc, Nga và cục diện chiến lược quân sự mới ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương.* Tạp chí "Kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế", số 2, năm 2006
12. *Châu Á Thái Bình Dương mục tiêu mới của Mỹ*/ TTTT. KHCNMT-BQP.- 2010
13. *Mỹ mở rộng liên minh chiến lược tại châu Á*/ TTTT.KHCNMT – BQP .- 2010
14. *Mỹ và khu vực châu Á – Thái Bình Dương: những lợi ích quốc gia, những đòi hỏi chiến lược*/ TTTT.KHCNMT – BQP .- 2009
15. *Châu Á trước những thách thức toàn cầu*/ TTTT.KHCNMT-BQP.- 2008
16. *Mục tiêu chuyển đi thăm châu Á của Tổng thống Obama*/ TTTT.KHCNMT-BQP .- 2010
17. *Quan hệ ba bên Trung Quốc - Mỹ - ASEAN từ đầu thế kỷ XX đến nay*/TTXVN.- Tài liệu tham đặc biệt. Các vấn đề quốc tế.- Tháng 1, năm 2011.
18. *Chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama và sự phát triển quan hệ Mỹ - ASEAN*/ TTXVN.- Tài liệu tham khảo đặc biệt. Các vấn đề quốc tế.- Tháng 12 năm 2010
19. *Con đường cạnh tranh trong hợp tác khu vực châu Á và sự lựa chọn chiến lược của Trung Quốc*/ TTXVN.- Tài liệu tham khảo đặc biệt. Các vấn đề quốc tế.- Tháng 1 năm 2011.

20. *Xem xét lại chính sách ngoại giao Đông Nam Á của Trung Quốc/ TTXVN. Các vấn đề quốc tế.*- Tháng 7 năm 2010.